

NGHIÊN CỨU

Tính dễ bị tổn thương của lao động di cư trước nguy cơ bị mua bán và bóc lột ở Đông Nam Á: Phân tích về Việt Nam

Sasha Jespersen, T.M. Ngô Hương và Vũ Công Giao

Năm 2023

Di cư lao động và Mua bán người dưới góc độ kinh tế, chính trị, và xã hội

Độc giả có thể sử dụng tài liệu này để xây dựng các tài liệu của mình, miễn là các tài liệu đó không được mua bán vì mục đích thương mại. ODI yêu cầu có xác nhận hợp lệ và một bản sao của ấn phẩm được xuất bản. Trường hợp sử dụng trực tuyến, chúng tôi đề nghị độc giả liên kết đến nguồn của tài liệu trên trang điện tử của ODI. Các quan điểm được trình bày trong tài liệu này là của (các) tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của ODI hoặc các đối tác của chúng tôi.

Tài liệu này được cấp phép số: CC BY-NC-ND 4.0.

Jespersen, S., Ngô, T.M.H. và Vũ, C.G. (2023) Tính dễ bị tổn thương của lao động di cư trước nguy cơ bị mua bán và bóc lột ở Đông Nam Á: Phân tích về Việt Nam, Nghiên cứu quốc gia của ODI. Luân Đôn: ODI (<https://odi.org/en/about/our-work/political-economy-of-labour-exploitation-and-trafficking-in-persons-in-southeast-asia/>)

Tài liệu này là một ấn phẩm của ODI trong khuôn khổ hoạt động hợp tác với Chương trình Hợp tác ASEAN – Ô-xtrây-li-a về phòng, chống mua bán người (viết tắt là Chương trình ASEAN-ACT). Chương trình ASEAN-ACT được Chính phủ Ô-xtrây-li-a tài trợ và do Công ty DT Global thực hiện. Chính phủ Ô-xtrây-li-a tài trợ cho việc xuất bản ấn phẩm này thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại Ô-xtrây-li-a. Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của riêng các tác giả và chắc chắn không phải là quan điểm của Chính phủ Ô-xtrây-li-a

Lời cảm ơn

Các tác giả xin gửi lời cảm ơn tới ông Paul Buckley, bà Naruephon Boonyaban, Tiến sĩ Lucia Pietropaoli và nhóm các cán bộ của Chương trình ASEAN-ACT vì những hỗ trợ và đóng góp chuyên môn giá trị cho tài liệu này. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Trần Tú Diễm vì những góp ý và phản hồi quý báu và Kathryn Nwajiaku-Dahou vì sự đảm bảo chất lượng cho tài liệu này. Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự hỗ trợ của Maegan Rodricks, Sherry Dixon và Rawena Russell trong quá trình xuất bản, Deborah Eade vì biên tập bản sao và Elaine Antwi vì đã quản lý dự án này.

Tài liệu này được Chính phủ Ô-xtrây-li-a tài trợ thông qua Chương trình Hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng chống mua bán người (Chương trình ASEAN-ACT).

Giới thiệu về ấn phẩm

Ấn phẩm này được xuất bản là thành quả của mối quan hệ đối tác giữa Chương trình ASEAN-ACT và ODI. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích về tình hình chính trị, kinh tế để tìm hiểu về động cơ của việc bóc lột và mua bán người tại khu vực Đông Nam Á, nhằm mục đích: 1) thu thập thông tin làm căn cứ cho công tác tham vấn chính sách và xây dựng chương trình của Chương trình ASEAN-ACT và 2) xây dựng và thực hiện quy trình nhằm đưa các căn cứ này vào các chương trình và tham vấn của Chương trình ASEAN-ACT với các đối tác một cách thường xuyên.

Mục đích của nghiên cứu này là nhằm nâng cao hiểu biết về tình trạng dễ bị tổn thương của người lao động di cư trước nguy cơ bị bóc lột và mua bán người. Điều này có thể góp phần nâng cao năng lực ứng phó của các cơ quan nhà nước và các chương trình quốc tế để giải quyết những vấn đề này, đồng thời tăng cường bảo vệ và hỗ trợ người lao động di cư và nạn nhân bị mua bán.

Giai đoạn 1 của dự án nghiên cứu được thực hiện tại bốn quốc gia: Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Phần này là tài liệu nghiên cứu của một trong bốn quốc gia đó. Ngoài ra còn có các bản tóm tắt theo chủ đề, tóm tắt những phát hiện từ các nghiên cứu của bốn quốc gia về các vấn đề chính.

Nhóm nghiên cứu

Sasha Jesperson, T.M. Ngô Hương và Vũ Công Giao

Mục lục

Lời cảm ơn.....	3
Mục lục	4
Từ viết tắt.....	6
Tóm tắt.....	8
1 Giới thiệu	10
2 Việt Nam.....	12
2.1 Phương pháp nghiên cứu.....	12
Bảng 1 Sơ đồ hóa tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán trong chu kỳ di cư lao động	14
2.2 Hạn chế	15
2.3 Mua bán người hay bóc lột?.....	15
3 Bối cảnh của mua bán người trong di cư lao động	16
3.1 Các yếu tố về bối cảnh	16
3.2 Cấu trúc và lịch sử chính trị.....	16
3.3 Các đặc điểm chính của phát triển kinh tế	16
Hộp 1: Tác động của Đổi Mới	17
3.4 Các quy tắc và chính sách chính thức về MBN	18
3.5 Các quy tắc và hệ thống không chính thức	20
3.6 Các tác nhân chính liên quan đến MBN để di cư lao động.....	21
Chính phủ.....	21
Khu vực tư nhân.....	21
Tổ chức quốc tế.....	21
Tổ chức phi chính phủ	22
4 Chu kỳ di cư lao động-Điểm đến chính	22
Bảng 1: Số lượng lao động Việt Nam di cư tại các nước đích đến chính	23
4.1 Người hỗ trợ.....	23
Bảng 2 Phí tuyển dụng.....	24
4.2 Nguyên nhân	25
4.3 Điểm đến 1: Nhật Bản / Hàn Quốc / Đài Loan	25
4.4 Điểm đến 2: Trung Quốc	27
4.5 Điểm đến 3: Các nước Đông Nam Á khác.....	29
4.6 Điểm đến 4: Trung Đông, Châu Âu và các nơi khác	31
5 Chu kỳ di cư lao động – Tính dễ bị tổn thương	32
5.1 Trước khi khởi hành.....	33
5.2 Trong hành trình	35
5.3 Tại điểm đến	36
5.4 Khi trở về	37
5.5 COVID-19.....	38

6	Khả năng bảo vệ.....	40
6.1	Bảo vệ và hỗ trợ chính thức	40
6.2	Bảo vệ và hỗ trợ ngoài nhà nước	40
6.3	Khả năng lên tiếng	41
7	Kết luận và khuyến nghị	43
	Kết luận.....	43
	Các trở ngại chính để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương.....	43
	Mạng lưới chiến lược và liên minh.....	43
	Cơ cấu các cơ hội cho nguồn lực đầu tư	43
	Khuyến nghị.....	44
	Thay đổi về chính sách và pháp luật.....	44
	Tăng cường các công cụ sẵn có cho người di cư	45
	Hợp tác xuyên biên giới.....	45
	Điều chỉnh cách tiếp cận với lao động di cư.....	45
	Tài liệu tham khảo	47

Từ viết tắt

ACFID	Hội đồng phát triển quốc tế Ô-xtrây-li-a
ACTIP	Công ước ASEAN về phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEAN-ACT	Chương trình Hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng, chống mua bán người
BNG	Bộ Ngoại giao
COMMIT	Sáng kiến cấp Bộ trưởng về phòng chống buôn bán người Tiểu vùng Sông Mê Kông
CREST	Dự án về Trách nhiệm của Doanh nghiệp trong xóa bỏ chế độ nô lệ và mua bán người
ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam
DOLAB	Cục Quản lý lao động ngoài nước
FGD	Thảo luận nhóm tập trung
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HLHPN	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư quốc tế
KII	Phòng vấn người cung cấp thông tin chính
LĐTBOXH	Lao động, Thương binh và Xã hội
MBN	Mua bán người
MMN	Mạng lưới người di cư Mê Kông
MoU	Bản ghi nhớ hợp tác
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NTP-NRD	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới
ODI	Viện phát triển hải ngoại
OTIP	Tổ chức đào tạo kỹ năng cho thực tập sinh
PEA	Nghiên cứu về kinh tế và chính trị
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
SOP	Quy trình thực thi tiêu chuẩn
TITP	Chương trình đào tạo kỹ năng cho thực tập sinh

UNACT	Chương trình Hành động của Liên Hợp Quốc về Hợp tác phòng chống mua bán người
USD	Đô la Mỹ
VAMAS	Hiệp hội xuất khẩu Việt Nam
VBSP	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Tóm tắt

Di cư lao động là một yếu tố quan trọng trong chính sách phát triển của Việt Nam, dẫn đến sự hình thành của một ngành công nghiệp bao gồm các công ty tuyển dụng và môi giới sẵn sàng hỗ trợ cho hành trình di cư của người lao động dù thông qua các kênh chính thức hay phi chính thức. Ngành này cũng tiếp cận tới chính những người lao động với nhu cầu có việc làm ở nước ngoài do mức lương cao hơn trong khi các cơ hội trong nước thì hạn chế hơn. Động lực di cư lao động ở các cấp độ này bao gồm – từ nhà nước, đến công ty tuyển dụng, đến người lao động. Động lực di cư lao động có thể làm suy yếu các nỗ lực tăng cường bảo vệ cả trong nước và khu vực do lo ngại ảnh hưởng đến các cơ hội việc làm sẵn có.

Mặc dù cũng có tình trạng bóc lột lao động trong nước, nhưng nghiên cứu này sẽ tiếp cận dưới góc độ Việt Nam là quốc gia nguồn của lao động di cư, đánh giá tính dễ bị tổn thương có thể dẫn đến việc bóc lột người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Nghiên cứu xem xét các khoảng trống ở từng giai đoạn-trước khi khởi hành, trên hành trình đến điểm đến, trải nghiệm tại quốc gia đích đến và khi trở về Việt Nam.

Nghiên cứu sử dụng lăng kính kinh tế, xã hội và chính trị để xem xét mức độ dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán hình thành ở từng giai đoạn của chu kỳ di cư. Điều này làm nổi bật vai trò và mối liên kết giữa các thể chế chính thức, luật pháp, các quy tắc và thông lệ không chính thức cũng như các chuẩn mực xã hội rộng lớn hơn liên quan đến di cư lao động và mua bán người (MBN) trong khu vực. Nghiên cứu cũng phân tích các khuyến khích, lợi ích và sự phân bổ quyền lực giữa các chủ thể khác nhau, những yếu tố này hình thành hành vi và lựa chọn chiến lược như thế nào?

Việt Nam đã thông qua một số chính sách và pháp luật về phòng chống MBN và vào tháng 2 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Chương trình phòng chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030, được xây dựng dựa trên ba Chương trình trước đó. Ban đầu các biện pháp lập pháp và chính sách được xây dựng để ứng phó với MBN vì mục đích bóc lột tình dục và trước đây chủ yếu tập trung vào phụ nữ và trẻ em. Điều này đang được thay đổi dần. Hệ thống pháp luật của Việt Nam nhằm giải quyết các vấn đề về lao động di cư và bóc lột ngày càng được mở rộng nhưng còn phức tạp, thiếu nhất quán và chồng chéo, gây khó khăn cho việc thực thi pháp luật và áp dụng các biện pháp phù hợp.

Ngoài những quy tắc và hệ thống chính thức này, người lao động di cư còn thương lượng về vai trò và mối quan hệ của họ để tối đa hóa lợi ích của mình trong phạm vi có thể. Tuy nhiên, đây có thể là việc lựa chọn giữa hai phương án đều không tốt, đặc biệt là khi người lao động di cư phải gánh các khoản nợ để di cư lao động, điều này hạn chế các lựa chọn của họ. Khi xảy ra bóc lột, rất ít nạn nhân trình báo vụ việc do mất thời gian, quy trình cần thiết để được xác định là nạn nhân phức tạp và nhiều người cũng không biết cách để trình báo vụ việc của mình như thế nào.

Ước tính Việt Nam có 560.000 người lao động di cư tại 43 quốc gia, mặc dù con số thực tế bao gồm cả di cư trái phép có thể cao hơn nhiều. Điểm đến chính của di cư lao động là từ Việt Nam sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan nhìn chung được cho là đáng tin cậy hơn do thông qua các quy trình tuyển dụng chính thức, tuy nhiên điều này không hẳn lúc nào cũng đúng là như vậy. Các điểm đến khác trong khu vực ASEAN bao gồm Thái Lan và Myanmar; Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a, Xinh-ga-po và Ma-lai-xi-a. Lao động di cư Việt Nam cũng đi sang Trung Đông, các nước Đông và Tây Âu.

Mặc dù di cư để tìm việc làm là một lựa chọn nhưng có một số yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn đó và ảnh hưởng đến khả năng thực hiện quyền tự quyết của người di cư. Ở mỗi giai đoạn, từ trước khi khởi hành, trong hành trình di cư, ở quốc gia đích đến và khi trở về Việt Nam, người lao động di cư đều dễ bị tổn thương. Trước khi khởi hành có nhiều yếu tố ảnh hưởng từ tính dễ bị tổn thương nhưng những khó khăn chính đến từ việc thiếu kiến thức và không có khả năng tiếp cận các thông tin đáng tin cậy, cũng như các khoản phí do nhà tuyển dụng áp dụng đối với người lao động di cư. Những yếu tố này cũng ảnh hưởng đến hành trình của người lao động di cư. Nợ nần khiến người lao động di cư chấp nhận rủi ro ở quốc gia đích đến để kiếm thêm thu nhập. Sự cạnh tranh giữa những người lao động di cư với nhau cũng làm tăng tính dễ bị tổn thương ở quốc gia đích đến vì chính những người lao động di cư khác cũng dễ bị tổn thương như vậy và cố gắng thương lượng các điều kiện tốt hơn. Đôi lại, những người lao động bị bóc lột phải đối mặt với những rào cản đáng kể trong việc được công nhận là nạn nhân bị mua bán hoặc được nhận bồi thường, hỗ trợ và đền bù.

Lao động di cư Việt Nam rất dễ bị bóc lột và lạm dụng. Họ chấp nhận rủi ro khi di cư để làm việc và có xu hướng tự giải quyết việc bị bóc lột hơn là trình báo với chính quyền. Điều này xuất phát từ tính dễ bị tổn thương mà họ trực tiếp gặp phải như các khoản phí từ các đơn vị tuyển dụng cao, nợ nần, thiếu thông tin và tình trạng di cư bất hợp pháp (trong một số trường hợp). Tính dễ bị tổn thương cũng là kết quả của việc thiếu các dịch vụ hỗ trợ, khó khăn trong điều tra các vụ việc và thiếu động cơ để trình báo vụ việc.

Các dịch vụ hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ hoặc các tổ chức khác đã gia tăng đáng kể, mặc dù theo quy định của pháp luật, rất nhiều trong số các tổ chức này được thành lập để ứng phó với MBN vì mục đích bóc lột tình dục. Mặc dù các dịch vụ đã được mở rộng để tập trung hơn vào MBN bao gồm MBN vì mục đích bóc lột lao động nhưng trọng tâm chủ yếu vẫn là phụ nữ và trẻ em, sự hỗ trợ dành cho nam giới rất hạn chế. Các hoạt động hỗ trợ chủ yếu có xu hướng sử dụng các mô hình đã được sử dụng cho các nạn nhân của MBN vì mục đích bóc lột tình dục bao gồm nhà tạm lánh, hỗ trợ tâm lý xã hội, đào tạo sinh kế mà không xem xét các cách tiếp cận sáng tạo hơn đối với bóc lột lao động để hòa nhập xã hội mà lại rút lại các hỗ trợ này.

Trở ngại chính trong việc giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán người vì mục đích bóc lột lao động là hầu hết các bên liên quan đặc biệt là những bên có quyền lực nhất đều quan tâm đến việc duy trì tình trạng như hiện nay. Chính phủ mong muốn người lao động di cư như một yếu tố trọng tâm trong chiến lược phát triển của đất nước. Các đơn vị tuyển dụng và môi giới tạo ra lợi nhuận bằng cách tìm người lao động và kết nối họ với chủ sử dụng lao động ở nước ngoài. Chủ sử dụng lao động ở nước ngoài được tiếp cận với lao động rẻ hơn, để gia tăng tỷ suất lợi nhuận. Theo đó, có rất ít hoạt động để giải quyết tính dễ bị tổn thương và thay đổi động lực thúc đẩy di cư lao động.

Các vụ MBN vì mục đích bóc lột lao động rất phức tạp và ít khi thỏa mãn được chính xác định nghĩa về MBN tại Việt Nam và cũng ít khi xác định được thủ phạm cụ thể. Bóc lột thường là kết quả của động lực thúc đẩy di cư cũng như các tác nhân của nó chứ không phải do thông đồng và ý đồ phạm tội giữa các cá nhân có liên quan trong chu trình di cư: từ người tuyển dụng đến người vận chuyển rồi đến chủ sử dụng lao động. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận đa chiều hơn so với các ứng phó MBN thông thường. Việt Nam có thể tiếp tục điều chỉnh luật pháp và chính sách cho phù hợp với thực tiễn của di cư lao động và các nguy cơ bị bóc lột, tăng cường các công cụ sẵn có cho người di cư; hỗ trợ hợp tác xuyên biên giới và điều chỉnh cách tiếp cận hiện tại đối với người lao động di cư.

1 Giới thiệu

MBN là một vấn đề phức tạp với nhiều thách thức để thiết lập các chính sách ứng phó hiệu quả. Các khía cạnh và động lực ảnh hưởng đến MBN xuyên suốt các thể chế và cấu trúc chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. MBN suy cho cùng là bóc lột và ép buộc bởi các nhóm lợi ích, quyền lực trong khi những người dễ bị tổn thương thường là những người ở bên lề xã hội và không có tiếng nói. Trong bối cảnh của các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là các mục tiêu 16.2, 16.3 và 8.7 và chương trình ‘không ai bị bỏ lại phía sau’, cần phải quan tâm nhiều hơn đến các nhóm yếu thế nhất này. Mặc dù các biện pháp ứng phó nhằm giải quyết MBN đã cho thấy một số thành công, đặc biệt trong xây dựng chính sách và nâng cao nhận thức về vấn đề này nhưng vẫn còn những thách thức cơ bản về các biện pháp bảo vệ và phòng ngừa cũng như quản trị và hệ thống tư pháp hiệu quả. Một số rào cản này được công nhận rõ ràng trong khi đó một số khác ít được công nhận hơn. Tương tự, một số rào cản được ghi lại trong khi một số khác chỉ được hiểu ngầm.

Ở Đông Nam Á, người lao động di cư-chiếm số lượng người di cư cao nhất toàn cầu-là một trong những nhóm đối tượng dễ bị mua bán nhất. Do một số quốc gia trong khu vực có nhu cầu tuyển lao động cao và các quốc gia có ít cơ hội việc làm thì có nguồn cung lao động, nhiều người sẵn sàng di cư sang quốc gia khác để làm việc (Oliver 2019, Testaverde và các cộng sự 2017). Mặc dù những người di cư này có thể sẵn sàng bắt đầu hành trình của mình nhưng họ lại rất dễ bị bóc lột ở mọi giai đoạn. Điều này đặc biệt đúng đối với những người di cư trái phép, tức là những người không có thị thực hoặc sử dụng các dịch vụ môi giới không chính thức khiến họ trở thành những người di cư trái phép hoặc không có giấy tờ tại các quốc gia đích đến. Do đó họ ít được bảo vệ hơn so với những người di cư hợp pháp vì nếu họ trình báo với chính quyền, họ có nguy cơ bị trục xuất (Chantavanich và các cộng sự 2013). Ở nhiều quốc gia, việc ứng phó với MBN tập trung vào bóc lột tình dục, điều này có nghĩa là ít người được xác định là nạn nhân của MBN vì mục đích bóc lột lao động (Weitze, 2014). Những nhà hoạch định chính sách và các tổ chức hỗ trợ nạn nhân cũng ít hiểu rõ về bản chất của MBN vì mục đích bóc lột lao động hơn.

Khu vực ASEAN có đặc điểm là di cư lao động do sự chênh lệch về phát triển kinh tế và công nghiệp giữa các quốc gia và việc đi lại trái phép giữa các quốc gia khá dễ dàng. Sự khác biệt về nhân khẩu học giữa các quốc gia dư thừa lao động và các quốc gia có nhu cầu tuyển

lao động dẫn đến hình thức di cư như vậy sẽ tiếp tục là một đặc điểm của thị trường lao động và xã hội trong khu vực. Tuy nhiên, còn thiếu các phương pháp tiếp cận có tính thực tiễn và chính sách nhằm giải quyết sự phức tạp của di cư lao động, đồng thời đưa ra các khuyến nghị cụ thể về biện pháp giảm thiểu tình trạng dễ bị mua bán cho người di cư lao động và làm thế nào để các nạn nhân bị mua bán có thể được bảo vệ nhiều hơn từ các cơ quan pháp lý.

Do sự phức tạp như vậy, nghiên cứu điển hình quốc gia này là một trong loạt nghiên cứu xem xét các yếu tố quản trị, cơ cấu và kinh tế, chính trị ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán của người lao động di cư. Nghiên cứu này tìm hiểu từ góc độ kinh tế, chính trị đối với các hạn chế về: cấu trúc, thể chế và chính trị, các yếu tố hỗ trợ để tăng cường khả năng phòng ngừa và bảo vệ cũng như nâng cao kiến thức để giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của nạn nhân, cải thiện năng lực, tiếng nói và sự bảo vệ cho họ.

2 Việt Nam

Di cư lao động là một nội dung quan trọng trong chính sách phát triển của Việt Nam, tính đến cuối năm 2021, ước tính có khoảng 560.000 người lao động di cư ra nước ngoài (ILO, 2021). Động lực thúc đẩy di cư lao động đã hình thành một ngành công nghiệp bao gồm các đơn vị tuyển dụng và môi giới sẵn sàng hỗ trợ cho hành trình của người lao động di cư, dù thông qua các kênh chính thức hay không chính thức. Động lực thúc đẩy di cư lao động cũng tiếp cận đến chính những người lao động, với nhu cầu đáng kể tìm việc làm ở nước ngoài do mức lương cao hơn trong khi các cơ hội trong nước thì hạn chế hơn. Động lực thúc đẩy di cư lao động ở các cấp độ này bao gồm – từ nhà nước, đến đơn vị tuyển dụng, đến người lao động. Động lực thúc đẩy di cư lao động có thể làm suy yếu các nỗ lực tăng cường bảo vệ cả trong nước và khu vực vì lo ngại ảnh hưởng đến các cơ hội việc làm sẵn có.

Hầu hết MBN vì mục đích bóc lột lao động bắt đầu từ sự lựa chọn di cư để tìm việc làm. Mặc dù có quyền lựa chọn nhưng không phải lúc nào người lao động di cư cũng có quyền yêu cầu điều kiện làm việc tốt hơn hoặc kiểm soát được hành trình di cư của mình. Tương tự như vậy, mối quan hệ giữa Chính phủ Việt Nam và các quốc gia đích đến cũng ảnh hưởng đến khả năng thúc đẩy sự đối xử tốt hơn đối với người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Những yếu tố này ảnh hưởng đến mức độ phổ biến của các vụ việc có thể được coi là bóc lột nghiêm trọng, phù hợp với định nghĩa về MBN.

Mục tiêu chính của nghiên cứu điển hình về quốc gia này là để đánh giá các yếu tố kinh tế, chính trị quan trọng ảnh hưởng đến tính dễ bị mua bán trong di cư lao động ở Đông Nam Á, tập trung vào các khía cạnh chính sách, quản trị, các quy định và tư pháp của công tác phòng ngừa và bảo vệ cũng như tiếng nói của người di cư lao động và người bị mua bán nhằm đưa ra các khuyến nghị về chính sách và chương trình phòng chống MBN vì mục đích bóc lột lao động.

Mặc dù cũng có tình trạng bóc lột lao động trong nước, nhưng nghiên cứu này sẽ tiếp cận dưới góc độ Việt Nam là quốc gia nguồn của lao động di cư, đánh giá tính dễ bị tổn thương có thể dẫn đến việc bóc lột người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Điểm đến chính của di cư lao động là từ Việt Nam sang Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á khác như Thái Lan và Myanmar, cũng như In-đô-nê-xi-a, Xinh-ga-po và Ma-lai-xi-a¹. Nghiên cứu tập trung vào tính dễ bị tổn thương ở từng giai đoạn của hành trình liên quan đến các điểm đến này gồm: trước khi khởi hành, hành trình đến điểm đến, trải nghiệm ở quốc gia đích đến và khi trở về Việt Nam.

2.1 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này là một phần của loạt nghiên cứu điển hình về quốc gia do Chương trình Hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng chống MBN (Chương trình ASEAN-ACT) ủy quyền thực hiện, tập trung vào việc tìm hiểu về tính dễ bị tổn thương của người di cư lao động, khác với

¹ Nghiên cứu điển hình tại Indonesia và Ma-lai-xi-a sẽ được tập trung thực hiện trong giai đoạn 2, do đó sẽ không được phân tích chi tiết ở đây. Anh, Châu Âu cũng như khu vực Trung Đông cũng là các hành lang chính nhưng vì nghiên cứu tập trung cho khu vực châu Á do đó các hành lang này được đưa ra khỏi nghiên cứu

MBN vì mục đích bóc lột tình dục vốn có xu hướng được quan tâm nhiều hơn (Weitzer 2014).² Nghiên cứu xây dựng một khung phân tích nhằm để tìm hiểu các đặc điểm cấu trúc, các quy tắc chính thức và không chính thức, các mối quan hệ quyền lực và lợi ích hình thành nên tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán của người di cư lao động ở mỗi giai đoạn của chu kỳ di cư. Sử dụng khung phân tích này như một công cụ thực hiện, nhóm nghiên cứu đã nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính (KII) tại Việt Nam. Ngoài ra, ba hội thảo tham vấn đã được tổ chức để tóm tắt và kiểm tra các phát hiện chính với ASEAN-ACT và nhóm nghiên cứu đang đồng thời thực hiện các nghiên cứu tương tự ở các quốc gia như Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam (các nghiên cứu ở các quốc gia còn lại sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2).

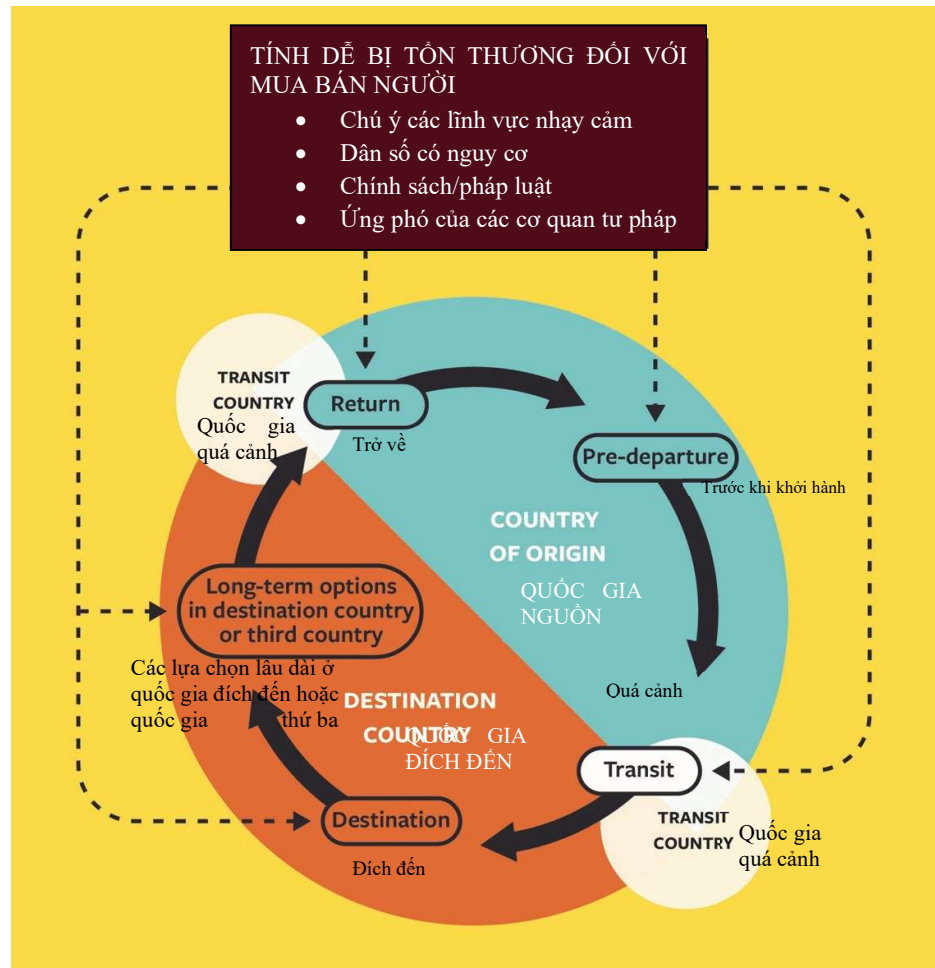
Nghiên cứu sử dụng lăng kính kinh tế, chính trị để xem xét mức độ dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán hình thành ở từng giai đoạn của chu kỳ di cư. Điều này làm nổi bật vai trò và mối liên kết giữa các thể chế chính thức, luật pháp, các quy tắc và thông lệ không chính thức cũng như các chuẩn mực xã hội rộng hơn liên quan đến di cư lao động và MBN trong khu vực. Nghiên cứu cũng phân tích các biện pháp, lợi ích và sự phân bổ quyền lực giữa các chủ thể khác nhau, những yếu tố này hình thành hành vi và lựa chọn chiến lược như thế nào. Điều quan trọng là lăng kính kinh tế, chính trị tập trung tìm hiểu cách các động lực này thay đổi như thế nào khi các mối quan hệ, quy tắc và thông lệ (chính thức và không chính thức) thay đổi theo thời gian. Nó cũng xác định các cơ hội để thúc đẩy thay đổi nhằm hỗ trợ khả năng phòng ngừa và bảo vệ tốt hơn trong việc giải quyết tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán.

Tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán được xác định và sơ đồ hóa ở từng giai đoạn: trước khi khởi hành, quá cảnh, đến quốc gia đích; những lựa chọn dài hạn tại các điểm đến hoặc quốc gia thứ ba và trở về (có thể liên quan đến quá cảnh) (Bisong và Knoll, 2020). Các yếu tố về bối cảnh cụ thể hỗ trợ hoặc duy trì tính dễ bị tổn thương đã được xác định ở từng giai đoạn được phân tích, cũng như chỉ ra các cơ hội thay đổi tiềm năng (xem hình 1)

² Do tập trung vào các nguy cơ về MBN nhằm mục đích bóc lột lao động, nghiên cứu này không đề cập đến vấn đề lớn về MBN nhằm mục đích bóc lột tình dục mặc dù trên thực tế MBN vì mục đích bóc lột tình dục cũng có thể được hiểu là một hình thức bóc lột lao động, do định nghĩa tình dục là một loại "công việc" ngày càng được chấp nhận

Bảng 1 Sơ đồ hóa tính dễ bị tổn thương trước nguy cơ bị mua bán trong chu kỳ di cư lao động

Ngay từ đầu, việc nghiên cứu các tài liệu học thuật và các tài liệu liên quan đã được tiến hành nhằm hỗ trợ hoàn thiện khung phân tích dựa trên các yếu tố kinh tế, chính trị quan trọng đã được xác định ở Việt Nam. Nghiên cứu tài liệu về Việt Nam cũng cho thấy việc tập trung vào lĩnh vực việc làm không phù hợp bằng tập trung vào các đích đến cụ thể. Đánh giá cũng góp phần xác định các bên liên quan để thảo luận nhóm tập trung (FGDs) và phỏng vấn KII.



Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung với nhiều bên liên quan tập trung vào vấn đề di cư lao động và MBN tại Việt Nam. Những người tham gia được lựa chọn thông qua xác định mẫu có mục đích để đảm bảo tính đại diện toàn diện, bao gồm các cơ quan, đơn vị chính của Chính phủ (8), các tổ chức quốc tế (3), các tổ chức phi chính phủ (NGOs) cung cấp hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán (5), đơn vị tuyển dụng (2), nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ trong nhà tạm lánh (3), người di cư trở về (4) và thành viên của mạng lưới người di cư (2). Tổng số 29 cuộc phỏng vấn đã được tiến hành. Các phát hiện từ các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung đã được phân tích theo chủ đề thông qua lăng kính kinh tế, chính trị, tổng kết thành khả năng dễ bị mua bán trong từng giai đoạn của chu kỳ di cư lao động có cân nhắc vai trò và quan điểm của các bên liên quan đã tham gia.

Nghiên cứu được thực hiện theo các nguyên tắc và hướng dẫn về đạo đức nghiên cứu và đánh giá của Hội đồng phát triển quốc tế Ô-xtrây-li-a (ACFID) và theo chính sách về đạo đức nghiên cứu của ODI. Vì nghiên cứu tập trung vào những người dễ bị tổn thương, đặc biệt là các nạn nhân bị mua bán, do đó bắt buộc phải tuân thủ các quy trình đạo đức, bao gồm sự nhạy cảm trong thiết kế nghiên cứu như địa điểm phỏng vấn và thảo luận nhóm tập

trung cũng như cấu trúc tham gia. Sự đồng ý trên cơ sở thông tin được cung cấp đầy đủ phù hợp với bối cảnh địa phương có sự khác nhau về đồng ý bằng văn bản và đồng ý miệng. Chúng tôi cũng chú ý đến bảo vệ dữ liệu và đảm bảo tính ẩn danh của người tham gia. Trường hợp sử dụng các trích dẫn trực tiếp, các đặc điểm nhận dạng sẽ bị xóa và sử dụng bút danh thay thế. Các đánh giá về đạo đức và phương pháp nghiên cứu thực địa đã được Ủy ban đánh giá đạo đức của ODI phê duyệt.

Trong quá trình nghiên cứu, các hội thảo định kỳ đã được tổ chức với các nhóm nghiên cứu của tất cả các quốc gia gồm Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam cũng như thành viên của ASEAN-ACT để chia sẻ cách tiếp cận đã thực hiện và những thách thức phát sinh trong quá trình nghiên cứu thực địa. Điều này rất hữu ích để xác định các chiến lược nhằm lấp đầy khoảng trống một cách có căn cứ. Ngoài ra, một hội thảo ý nghĩa đã được tổ chức vào cuối quá trình nghiên cứu để phân tích sâu hơn, đánh giá và kết nối các nghiên cứu từ các quốc gia, tích hợp vào các báo cáo bằng văn bản đồng thời để xác định các chủ đề xuyên suốt được phân tích trong phần tóm tắt chuyên đề cùng với các nghiên cứu điển hình quốc gia.

2.2 Hạn chế

Nghiên cứu được thực hiện trong thời kỳ đại dịch Covid 19 khiến cho nhóm nghiên cứu khó di chuyển ra ngoài khu vực Hà Nội. Do đó, nhiều cuộc phỏng vấn được thực hiện từ xa. Các nhà nghiên cứu vẫn có thể tương tác với một bộ phận người tham gia, nhưng việc không thể phỏng vấn trực tiếp cũng có thể ảnh hưởng đến phản hồi từ họ.

Ngoài ra, do quy mô mẫu nhỏ nên không có câu trả lời nào đại diện cho những trải nghiệm bị mua bán của người lao động di cư. Thay vào đó, báo cáo dựa trên những trường hợp này để cung cấp thông tin bên trong và ghi nhận nhanh về những trải nghiệm thực tế cũng như để bổ sung và cập nhật tài liệu xám và học thuật hiện có về vấn đề này.

2.3 Mua bán người hay bóc lột?

Một vấn đề quan trọng nổi lên qua các cuộc phỏng vấn và thảo luận với các nhóm nghiên cứu từ các quốc gia khác đó là: liệu có nên đề cập đến bóc lột lao động hoặc MBN hay không? Phần lớn định nghĩa về MBN và việc áp dụng thuật ngữ này trong thực tế đã được đề cập đến (ví dụ xem McAdam 2020, 2016; Chuang 2014, Weitzer 2014:7-8). Các nghiên cứu điển hình đã cho thấy rõ ràng là có các ví dụ về mua bán người lao động di cư-đặc biệt ở các điểm đến có liên kết rõ ràng với tội phạm có tổ chức. So với mua bán người lao động di cư thì việc chủ sử dụng lao động bóc lột người lao động di cư tại điểm đến phổ biến hơn. Điều này không làm giảm bớt mức độ nghiêm trọng của bất kỳ hình thức bóc lột nào mà là để thu hút sự chú ý hơn nhằm đưa ra các ứng phó phòng chống MBN giải quyết tình hình thực tế của hình thức bóc lột chính đang xảy ra này. Vì lý do đó, chúng tôi đề cập đến “bóc lột” có thể bao gồm MBN trong một số trường hợp nhưng không phải là tất cả. Vấn đề nổi lên từ nghiên cứu này, phù hợp với những phát hiện tương tự trong các tài liệu khác, đó là tốt nhất nên coi một loạt các hành vi bóc lột trong đó có MBN là cùng một khía cạnh (Huysmans, 2016: 11). Vấn đề này được thảo luận trong suốt phần còn lại của báo cáo và được đề cập đầy đủ hơn trong phần tóm tắt chuyên đề về các biện pháp phòng chống MBN (Denney và các cộng sự, 2022).

3 Bối cảnh của mua bán người trong di cư lao động

3.1 Các yếu tố về bối cảnh

Việt Nam có dân số đông với hơn 99 triệu người tính đến năm 2022, trong đó 60% đang trong độ tuổi lao động (UNFPA, 2022). Trong khi 62% dân số sống trong các khu vực nông thôn, tỷ lệ này đang giảm dần và dự kiến đến đầu năm 2030 dân số nông thôn và thành thị sẽ gần bằng nhau (Ngân hàng thế giới 2022). Đây là một phần của sự chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp (14,8% Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và 38% lực lượng lao động), sang công nghiệp như sản xuất, năng lượng (33,71% GDP và 27,4% lực lượng lao động) và dịch vụ bao gồm du lịch và viễn thông (41,6% GDP và 35% lực lượng lao động) (Crédit Agricole, 2022). Cùng với các quốc gia láng giềng là Cam-pu-chia và Lào, Việt Nam là quốc gia có thu nhập trung bình thấp, mặc dù nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Hiện nay, di cư lao động chủ yếu đến các quốc gia có thu nhập cao hơn như Thái Lan và Ma-lai-xi-a đều là các quốc gia có thu nhập trung bình cao hoặc Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đều là các quốc gia có thu nhập cao.

3.2 Cấu trúc và lịch sử chính trị

Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) lãnh đạo từ năm 1976. Ban đầu, ĐCSVN áp dụng nền kinh tế do nhà nước quản lý tập trung, nhưng kể từ khi cải cách (Đổi mới hoặc chính sách 'mở cửa') được áp dụng năm 1986, đất nước đã ngày càng chuyển sang nền kinh tế thị trường (thảo luận thêm dưới đây). Những cải cách này dẫn đến việc mở cửa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Hoa Kỳ và có cách tiếp cận thực tế và linh hoạt đối với chính sách đối ngoại, nhằm tăng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) và du lịch để phát triển kinh tế (Tuấn, 2009).

Chính sách đối nội ưu tiên cho tăng trưởng và phát triển quốc gia. Phạm vi phân tích và sự tham gia của xã hội trong việc giải quyết vấn đề tham nhũng ở Việt Nam còn hạn chế, và qua những trường hợp tham nhũng hiếm hoi được đưa ra ánh sáng cho thấy nhà nước có quan tâm đến nhận thức của người dân về quy mô của tham nhũng (Fforde và Homutova, 2017). Cũng khó tìm hiểu mối quan hệ có thể có giữa tham nhũng với MBN trong bối cảnh này. Tuy nhiên, mức độ tham nhũng trong nhà nước được nhấn mạnh bởi hai vụ án nghiêm trọng phát sinh từ đại dịch COVID-19. Vụ đầu tiên liên quan đến sự thông đồng giữa các cơ quan nhà nước để thu lợi từ việc cung cấp bộ kit xét nghiệm covid và vụ thứ hai liên quan đến việc lạm thu từ việc Bộ Ngoại giao và một số công ty du lịch được giao nhiệm vụ đưa lao động di cư Việt Nam bị mắc kẹt ở nước ngoài về nước.

3.3 Các đặc điểm chính của phát triển kinh tế

Năm 1986, sau thời kỳ kinh tế khó khăn, chính sách Đổi Mới đã đưa Việt Nam từ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự hội nhập khu vực và quốc tế. Những cải cách này đã tạo ra tăng trưởng GDP cao và giảm đói nghèo.

GDP tăng từ 14,09 tỷ USD năm 1985 lên 362,64 tỷ USD vào năm 2021 (Ngân hàng Thế giới, 2022). Tuy nhiên, lợi ích không được phân bổ đồng đều, một số chính sách tác động tiêu cực đến người nghèo ở nông thôn (xem hộp 1) tạo ra khoảng cách ngày càng lớn giữa những người có trình độ học vấn, kỹ năng và các mối quan hệ với những người khác (Hoàng, 2020). Nhà nước đã bỏ trợ cấp cho sản xuất nông nghiệp, giáo dục và chăm sóc sức khỏe cùng với đó là lạm phát cao, năng suất thấp, thiếu việc làm và tỷ lệ nghèo đói ở nông thôn cao (Hoàng, 2020; Badiani, 2013).

Hộp 1: Tác động của Đổi Mới

Để khuyến khích sự phát triển của khu vực tư nhân, Đổi mới đã cho phép thu phí các dịch vụ cơ bản và khu vực tư nhân được mở rộng cung cấp dịch vụ, những dịch vụ này ngày càng tập trung ở khu vực thành thị, hạn chế khả năng tiếp cận của người nghèo ở nông thôn. Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp chuyển từ mô hình tập trung, tập thể sang sở hữu tư nhân về đất đai, dẫn đến quá trình chuyển đổi từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp sang nền nông nghiệp thương mại (Quế và Phúc, 2003)..

Từ năm 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTP-NRD) đã tìm cách khắc phục sự mất cân bằng giữa thành thị và nông thôn bằng cách nâng cấp dịch vụ và cơ sở hạ tầng ở các cộng đồng nông thôn, nâng cao thu nhập và năng suất, đồng thời giảm chênh lệch kinh tế xã hội. Tính đến tháng 9/2020, đã có 60,63% số xã tham gia đạt 19 tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Bất bình đẳng về phân phối thu nhập giữa thành thị và nông thôn vẫn còn nhưng đã giảm. Hệ số Gini, thước đo sự bất bình đẳng về thu nhập, đã giảm ở khu vực thành thị của Việt Nam từ 0,391 xuống 0,325 trong giai đoạn 2016-2020 và ở khu vực nông thôn từ 0,408 xuống 0,373, với 0,3-0,4 được coi là "bình đẳng đầy đủ".

Trong khi tình trạng nghèo đói ở nông thôn thúc đẩy di cư lao động thì các cơ hội việc làm ngoài khu vực nông nghiệp cũng là một yếu tố kéo, khuyến khích di cư đến các khu vực thành thị cũng như các quốc gia khác. Người lao động di cư kiếm được nhiều tiền hơn ở nước ngoài khi làm các loại công việc tương tự ở Việt Nam trong khi đối với nhiều người dù sao họ cũng phải đến các trung tâm đô thị để tìm việc. Những điều này làm tăng mong muốn di cư ra nước ngoài của họ (IOM/MOFA, 2017). Trong khi đã có lao động di cư sang các quốc gia thuộc khối Đông Âu cũ, Đổi mới dẫn đến việc mở rộng sang thị trường lao động quốc tế và châu Á (Anh, 2008).

Di cư lao động đã trở thành một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của Việt Nam. Tầm quan trọng của nó được ghi nhận trong nhiều tài liệu chính thức và tuyên bố của các quan chức chính phủ cấp cao (Anh, 2008). Ví dụ, năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 41-CT/TW về xuất khẩu lao động, coi đây là một “chiến lược quan trọng và lâu dài” (Ishizuka, 2013). Theo đó, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu hàng năm có 100.000–120.000 lao động di cư vào năm 2020. Mục tiêu này đã vượt vào năm 2017 với 131.751 lao động (Hoàng, 2020). Kiều hối chiếm 5,8% GDP của Việt Nam và là quốc gia nhận kiều hối lớn thứ hai ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ILO, 2021a). Số liệu về kiều hối không bao gồm số tiền người di cư gửi ngoài hệ thống ngân hàng như chuyển tiền thông qua người

trung gian, bưu điện, điện thoại di động hoặc chuyển khoản không chính thức, vì vậy dòng kiều hối có thể sẽ cao hơn nhiều.

Để khuyến khích di cư lao động, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ban hành Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg năm 2009 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009–2020” (còn được gọi là Chương trình 71). Chương trình hướng tới 62 huyện nghèo ở 20 tỉnh, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số ở nông thôn và miền núi, Chương trình 71 đã đưa ra các biện pháp khuyến khích người dân di cư để tìm việc làm và hỗ trợ tài chính để thực hiện điều này thông qua cho vay lãi suất thấp từ Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) (bằng một nửa lãi suất tiêu chuẩn), cũng như hỗ trợ tiền mặt và đào tạo do nhà nước tài trợ (Hoàng, 2020). Mặc dù các khoản vay này có lãi suất tốt hơn so với việc mắc nợ các nhà tuyển dụng, nhưng vì phí tuyển dụng cao nên người di cư vẫn phải tiếp tục làm việc, bất kể trong điều kiện như thế nào để trả nợ.

Khối lượng các khoản vay được phát hành của Chương trình 71 đã không đạt được mục tiêu do quy trình nộp đơn, hàng loạt các khoản phí khác và nhu cầu môi giới đã ngăn cản những người lao động có nguyện vọng tham gia chương trình – đến cuối năm 2015, chỉ đạt 30% so với kế hoạch, 60.000 công nhân đã được hưởng lợi từ Chương trình (Hoàng, 2020). Các gia đình có tài sản có thể vay thế chấp để trả trước chi phí tuyển dụng, nhưng nhiều người di cư sử dụng nhiều nguồn vay chính thức và không chính thức như từ ngân hàng, người cho vay tiền, chương trình tín dụng vi mô, bạn bè, hàng xóm và họ hàng để tăng lượng tiền trả các khoản phí cần thiết (Hoàng, 2020). Việc người di cư lao động phải gánh các khoản nợ để làm các thủ tục đi làm việc ở nước ngoài đã làm dấy lên lo ngại về mô hình xuất khẩu lao động như là một phần của chiến lược phát triển, sẽ được thảo luận thêm bên dưới (ví dụ, xem Hoàng và Yeoh, 2015; Schwenkel, 2014).

3.4 Các quy tắc và chính sách chính thức về MBN

Việt Nam đã thông qua một số luật và chính sách về mua bán người. Việt Nam là thành viên của Công ước Liên hợp quốc về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia [Quyết định 2549/2011/QĐ-CTN] và Nghị định thư về buôn bán người (Nghị định thư Palermo). Ngoài ra, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước ASEAN về phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP). Vào tháng 2 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Chương trình phòng chống MBN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, dựa trên ba Chương trình trước đó với trách nhiệm triển khai thuộc về tất cả các Bộ, Ngành liên quan và chính quyền địa phương. Chương trình mới bao gồm nhiều nhóm đối tượng mục tiêu hơn trong các chiến dịch truyền thông, ưu tiên cho người dân ở vùng sâu, vùng xa và người dân tộc thiểu số. Tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán được coi trọng không kém đấu tranh và phòng ngừa MBN, một sự thay đổi được nhấn mạnh trong mục tiêu tổng thể của Chương trình. Tăng cường phối hợp giữa các Bộ, Ngành liên quan được thúc đẩy và Chương trình thúc đẩy cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm, các chính sách và luật pháp liên quan đến phòng chống MBN thường xuyên được rà soát và sửa đổi để đảm bảo sự gắn kết và nhất quán, tương thích với luật pháp khu vực và quốc tế, đồng thời phù hợp với thực tiễn công tác phòng chống MBN.

Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống mua bán người (gọi là Ban chỉ đạo 130) được thành lập năm 2004 để quản lý việc thực hiện Chương trình phòng chống MBN và tăng cường phối

hợp giữa các Bộ, Ngành, do Bộ Công an là cơ quan thường trực, bao gồm Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Từ năm 2021, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống mua bán người (Ban Chỉ đạo 130/CP) được sáp nhập về Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống tội phạm (Ban Chỉ đạo 138/CP) do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình làm Trưởng ban.

Việt Nam cũng tham gia Kế hoạch Hành động Phối hợp Sáng kiến Bộ trưởng Mê Kông về Chống Buôn bán người (COMMIT), tập trung vào việc ngăn chặn MBN của khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Đến năm 2021, Việt Nam đã tham gia 14 hiệp định tương trợ tư pháp song phương về lĩnh vực hình sự và 14 hiệp định song phương về dẫn độ (Văn bản 33/TANDTC-HTQT), trong đó có nội dung xử lý tội phạm mua bán người.

Ứng phó với MBN chủ yếu tập trung vào phụ nữ và trẻ em và chủ yếu là bóc lột tình dục, làm hạn chế sự liên kết của các ứng phó này với MBN vì mục đích bóc lột lao động. Ban đầu mua bán phụ nữ và trẻ em được quy định tại các điều 115 và 119 của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985. Năm 2011, Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống mua bán người [66/2011/QH12], thay đổi trọng tâm từ tội mua bán phụ nữ sang tội mua bán người (Điều 119), bổ sung nam giới và trẻ em trai vào định nghĩa về MBN. Điều 120 cũng quy định tội mua bán và bắt cóc trẻ em.

Vào năm 2015, khái niệm về MBN đã được mở rộng trong Bộ luật Hình sự bao gồm chuyển giao, tiếp nhận người vì mục đích thương mại, cưỡng bức lao động, bóc lột tình dục và mua bán các bộ phận cơ thể người. Định nghĩa cập nhật cũng coi đối tượng mua bán người gồm những người tham gia vào việc tuyên mộ, vận chuyển và chứa chấp nạn nhân (Điều 150). Những quy định mới này giúp pháp luật Việt Nam tương thích hơn với các quy định trong Nghị định thư Palermo, mặc dù trẻ em được định nghĩa là dưới 16 tuổi thay vì 18 tuổi. Một thách thức khác là Bộ luật hình sự của Việt Nam (Điều 150 và 151) yêu cầu phải chứng minh yếu tố 'chuyển giao' nạn nhân, khiến việc truy tố các vụ án ở giai đoạn tuyên mộ trở nên khó khăn hơn.³

Việt Nam vẫn áp dụng phạt hành chính đối với những người làm việc trong ngành công nghiệp tình dục và một số tỉnh có thể phạt tiền những người di cư trái phép trong đó có thể bao gồm nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục và bóc lột sức lao động chưa được xác định chính thức. Do đó, nạn nhân và nạn nhân bị mua bán trở về đã né tránh trình báo tội phạm. Luật Trợ giúp Pháp lý 2017 quy định trợ giúp pháp lý miễn phí cho nạn nhân bị mua bán nhưng chỉ trong trường hợp nạn nhân gặp khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, trừ trường hợp nạn nhân bị mua bán trở về không thể chứng minh được nhu cầu tài chính của mình.

Các luật và chính sách khác tập trung rõ ràng vào di cư lao động. Việt Nam đã ký Đồng thuận ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của Người lao động Di cư vào tháng 11 năm 2017; nhưng Công ước của Liên hợp quốc về lao động di cư chưa được phê chuẩn. Pháp luật trong nước gồm Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2007, mặc dù một số điều khoản của Luật này yêu cầu cơ chế thực hiện vẫn chưa được thiết lập, ví dụ như Điều 69 về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chính

³ Tham khảo Nghị quyết số 02/2019/HĐTP ngày 11/1/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 150, 151 Bộ luật Hình sự

sách đối với cơ sở dạy nghề. (Điều 64) và hỗ trợ người lao động trở về nước (Điều 59 và 60) (Bộ LĐTBXH, 2018). Luật này được cập nhật vào năm 2020 [69/2020/QH14] nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình về di cư an toàn, bằng cách tăng cường bảo vệ người lao động di cư. Bản Luật cập nhật cấm lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo, cung cấp thông tin sai lệch hoặc sử dụng các biện pháp khác để lừa dối người lao động và cho phép người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng khi họ bị chủ sử dụng lao động ngược đãi, ép buộc phải làm việc hoặc có nguy cơ bị đe dọa rõ ràng về tính mạng, sức khỏe hoặc bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Các luật khác cũng tập trung vào người lao động ở nước ngoài, bao gồm Bộ luật Lao động 2012 (Điều 168); Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015 (Điều 67) và Luật Việc làm 2013 (Điều 20). Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Luật 69) ban hành năm 2020, quy định các quyền và nghĩa vụ của người lao động di cư, bao gồm hợp đồng, bảo vệ khỏi bị lạm dụng, quyền khiếu nại và nghỉ việc nếu bị bóc lột. Tuy nhiên, việc thực thi các biện pháp bảo vệ như vậy đối với người di cư khá khó khăn cho đến khi họ trở về, trừ khi có thỏa thuận song phương giữa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận. Ngay cả trong các trường hợp đó, việc thực thi sẽ phụ thuộc vào ý chí và năng lực của quốc gia tiếp nhận cũng như nỗ lực phối hợp của các cơ quan chức năng Việt Nam để thúc đẩy các vụ việc với các quốc gia đó. Do đó, hệ thống pháp luật ở Việt Nam liên quan đến di cư và bóc lột lao động rất phức tạp, thiếu nhất quán và chồng chéo, gây khó khăn cho việc thực thi.

Cho đến năm 2022, Việt Nam đã nằm trong danh sách theo dõi mức 2 trong báo cáo về MBN của Hoa Kỳ trong năm thứ ba liên tiếp, điều này đã thúc đẩy sự thay đổi về luật pháp và chính sách. Hai năm là thời hạn trong danh sách theo dõi mức 2 trước khi bị hạ xuống mức 3, điều này có thể gây ra hậu quả về tài chính như cắt giảm viện trợ và các biện pháp trừng phạt khác của Hoa Kỳ. Việt Nam đã được miễn trừ vào năm 2021 và tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi mức 2 thêm một năm nữa do có một kế hoạch bằng văn bản sẽ tạo thành ‘những nỗ lực đáng kể’ nếu được thực hiện. Một lĩnh vực cải thiện cho năm 2021 là số lượng đối tượng MBN bị truy tố đã tăng lên với 144 đối tượng bị bắt giữ, nhưng không có phân tích nào về vai trò của những đối tượng này trong hoạt động MBN như liệu họ là đối tượng môi giới cấp thấp hay là những đối tượng có tổ chức hơn (Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2021). Ngoài ra, số vụ điều tra và kết án đã giảm – vào năm 2021, có 110 vụ được điều tra, so với 175 vụ của năm trước, điều này cho thấy cần phải tăng cường truy tố để không bị hạ xuống mức 3 (Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2021).

3.5 Các quy tắc và hệ thống không chính thức

Di cư lao động liên quan đến đàm phán ở nhiều cấp độ. Chính phủ quản lý di cư lao động để đảm bảo lợi ích của cả nhà nước và cá nhân (Trần và Crinis, 2018). Ví dụ, GDP quốc gia được hưởng lợi từ kiều hối, cũng như các gia đình cũng thực sự nhận được tiền gửi về. Tuy nhiên, Chính phủ phải thỏa thuận với các quốc gia đích đến – cân bằng giữa mong muốn giữ cho các kênh di cư mở và thúc đẩy các biện pháp bảo vệ nhiều hơn cho công dân Việt Nam. Do Việt Nam là quốc gia cung cấp lao động di cư nên Việt Nam có ít quyền đàm phán để cải thiện điều kiện ở nước ngoài hoặc thực thi pháp luật ở quốc gia đích đến.

Bản thân người lao động di cư cũng đàm phán về vai trò và mối quan hệ của mình để tối đa hóa lợi ích ở mức có thể, mặc dù đây có thể là vấn đề lựa chọn giữa hai phương án đều không tốt. Ví dụ, trong một số trường hợp, nếu mất quá nhiều thời gian để trả nợ hoặc nếu họ bị đối

xử tệ, người di cư sẵn sàng phá hợp đồng, chấp nhận rủi ro trở thành người lao động bất hợp pháp để kiếm được nhiều tiền hơn với chủ sử dụng lao động khác. Điều này đã được ghi nhận ở tỷ lệ lao động “bỏ trốn” cao (xem Hoàng, 2020). Tại Đài Loan, có rất nhiều lao động bỏ trốn, theo một số nguồn ước tính là 50.000⁴ dẫn đến việc Đài Loan đã giảm số lượng giấy phép lao động cấp cho lao động Việt Nam. Hiện tượng 'chạy trốn' được thúc đẩy bởi sự tuyệt vọng trong việc trả hết nợ cũng như sự lựa chọn để có được điều kiện tốt hơn.

3.6 Các tác nhân chính liên quan đến MBN để di cư lao động

Chính phủ

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (MOLISA) có các Cục chịu trách nhiệm về di cư lao động và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Cục Phòng chống Tệ nạn Xã hội thuộc Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm về chính sách hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về. Cục Quản lý Lao động Ngoài nước (DOLAB) quản lý các hợp đồng làm việc ở nước ngoài, bao gồm hướng dẫn cho người lao động di cư và giám sát các công ty tuyển dụng. DOLAB có phạm vi kiểm tra hoặc xử phạt hạn chế đối với các công ty xuất khẩu lao động (đơn vị tuyển dụng) nếu họ vi phạm pháp luật, mặc dù đã có một số công ty bị thu hồi giấy phép. Bộ LĐTBXH cũng quản lý ngân sách cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán, mặc dù các tổ chức phi chính phủ đã ghi nhận những hạn chế về nguồn lực sẵn có cho hỗ trợ nạn nhân (Hoa Kỳ, 2021). Các đại diện về lao động cũng được triển khai tới các Cơ quan đại diện ngoại giao ở các quốc gia có nhiều lao động di cư bao gồm Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc và Đài Loan, mặc dù không rõ có bao nhiêu lao động di cư đã tìm đến các đại diện này để được hỗ trợ. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Viện Kiểm sát và Tòa án đóng vai trò then chốt trong việc xác định, điều tra, truy tố và xét xử các đối tượng mua bán người.

Khu vực tư nhân

Có 491 đơn vị tuyển dụng được cấp phép cung cấp đào tạo trước khi khởi hành, dịch vụ sắp xếp và quản lý quá trình di cư và thu phí tuyển dụng cho các dịch vụ này. Trong số các đơn vị này có 196 đơn vị là thành viên của Hiệp hội Xuất khẩu Lao động Việt Nam (VAMAS). Ngoài ra, có một số lượng lớn công ty môi giới tuyển dụng lao động không chính thức. Một số các công ty môi giới lao động không chính thức này được kết nối với các đơn vị tuyển dụng, trong khi những công ty khác kết nối trực tiếp người lao động với chủ sử dụng lao động ở các quốc gia đích đến. Những kết nối như thế này có thể được tạo ra từ kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài của chính họ hoặc thông qua mạng lưới gia đình và bạn bè.

Tổ chức quốc tế

Các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ chủ yếu hoạt động trong việc xây dựng luật pháp, chính sách và nâng cao năng lực phòng chống MBN. Ví dụ, UN-ACT (Chương trình Hành động của Liên Hợp Quốc về Hợp tác phòng chống mua bán người), thuộc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tìm cách tăng cường hợp tác thông qua Tiến trình COMMIT (có sự tham gia của các quốc gia Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng) và thực hiện các nghiên cứu chính sách có liên quan. UNDP cũng tham gia nâng cao năng lực cho các cơ quan Chính phủ như: các đơn vị xây dựng chính sách, an ninh, chính sách biên giới, Hội phụ

⁴ Xem ví dụ tại <https://asiatimes.com/2018/08/control-yuan-to-investigate-reasons-for-vietnamese-runaway-migrants/>

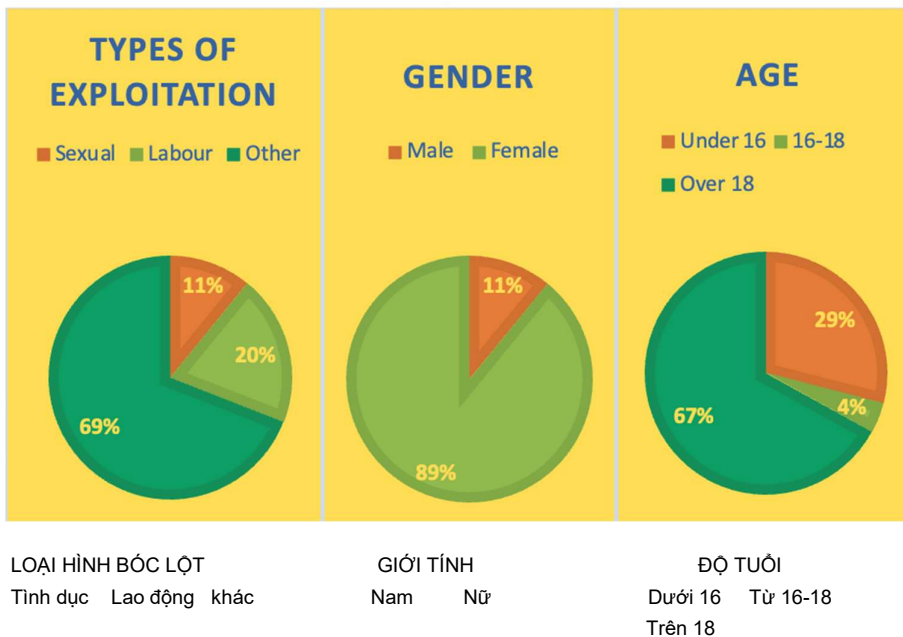
nữ, Tòa án và cán bộ Viện kiểm sát. IOM và ILO hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ Việt Nam về di cư lao động và mua bán người.

Tổ chức phi chính phủ

Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam hỗ trợ đáng kể cho nạn nhân bị mua bán và tham gia vào công tác phòng ngừa. Tuy nhiên, chỉ một số ít được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực phòng chống mua bán người tại Việt Nam và việc giải ngân của các tổ chức này được quy định chặt chẽ..

4 Chu kỳ di cư lao động-Điểm đến chính

Ước tính Việt Nam hiện có khoảng 560.000 lao động làm việc tại 43 quốc gia, mặc dù con số thực tế bao gồm cả di cư trái phép có thể cao hơn nhiều (ILO, 2021a). Hầu hết các số liệu thống kê chính thức về MBN của Việt Nam đều tập trung vào bóc lột tình dục (ví dụ, xem Ròng Xanh (2021)). Theo đó, dữ liệu chính thức chỉ ra rằng 85% nạn nhân bị mua bán là phụ nữ, mặc dù lao động cưỡng bức chủ yếu nhắm vào nam giới và trẻ em trai (Ròng Xanh, 2021). Năm 2017, IOM đã rà soát tình hình di cư lao động và nhận thấy rằng từ năm 2012 đến 2016, phụ nữ chỉ chiếm chưa đến 1/3 số người di cư theo hợp đồng có thời hạn, hầu hết đến từ trung bắc Nghệ An và các tỉnh phía Bắc (IOM /Bộ Ngoại giao, 2017). Trong năm 2021, Bộ LĐTBXH đã tiếp nhận và xác định 110 nạn nhân bị mua bán, trong đó có 104 người Việt Nam, 6 người nước ngoài, với các hình thức bóc lột, giới tính và độ tuổi khác nhau (xem bên dưới).



Điểm đến chính cho di cư lao động là từ Việt Nam sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan nhìn chung được cho là đáng tin cậy hơn do thông qua quy trình tuyển dụng chính thức, tuy nhiên điều này không hẳn lúc nào cũng đúng như vậy. Một nghiên cứu về bóc lột lao động ở những người di cư lao động đến Nhật Bản và Đài Loan từ hai tỉnh của Việt Nam là Thái Bình và Hà Tĩnh, nơi tập trung nhiều lao động di cư cho thấy 27% lao động di cư đã trải qua ít nhất một hình thức hạn chế tự do như bị tịch thu giấy tờ tùy thân hoặc không thể rời khỏi nơi làm việc (Zhang và cộng sự, 2021). Con số này ở Đài Loan (31,18%) cao hơn ở Nhật Bản (17,81%) (Zhang và cộng sự, 2021). Các trang trại nuôi cá có khả năng sử dụng lao động cưỡng bức cao nhất, tiếp theo là ngành may mặc/dệt may, công việc xây dựng và sau đó là sản xuất-ngành sử dụng nhiều lao động nhất. Các công việc trong lĩnh vực y tế và chế biến thực phẩm được cho là có mức độ lao động cưỡng bức thấp nhất (Zhang và cộng sự, 2021).

Các điểm đến khác trong khu vực ASEAN bao gồm Thái Lan và Myanmar; Trung Quốc; In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a. Việt Nam cũng gửi lao động di cư đến Trung Đông, các nước thuộc Khối Đông Âu cũ và Tây Âu, nhưng những điểm đến này không được phân tích ở đây. Mặc dù khó xác định được con số chính xác, đặc biệt là khi tình trạng di cư trái phép diễn ra phổ biến, nhưng Bộ LĐTBXH đã đưa ra các ước tính sau đây vào tháng 3 năm 2019 (ILO, 2021a).

Bảng 1: Số lượng lao động Việt Nam di cư tại các nước đích đến chính

Đích đến	Số lượng lao động di cư Việt Nam hiện có
Đài Loan	170.000
Nhật Bản	148.000
Hàn Quốc	50.000
Ma-lai-xi-a	50.000
Thái Lan	50.000

Nguồn: Bộ LĐTBXH (2019)

4.1 Người hỗ trợ

Các đơn vị tuyển dụng là những người hỗ trợ chính cho di cư lao động và việc giám sát các hoạt động của các đơn vị này còn hạn chế (Zhang, 2021). Các đơn vị tuyển dụng thu phí dịch vụ giới thiệu việc làm và “phí đặt cọc” để phòng ngừa người lao động di cư bỏ việc. Mặc dù luật được đưa ra vào năm 2020 quy định rằng các công ty tuyển dụng phải hoàn trả phí dịch vụ tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng nếu người lao động phải về nước trước thời hạn hợp đồng mà không phải do lỗi của họ, nhưng đã có những trường hợp người lao động trong tình huống này phải đấu tranh để chứng minh họ không có lỗi khi bị trả về (Belanger, 2014).

Phần lớn người lao động di cư được sắp xếp bởi các đơn vị tuyển dụng được Chính phủ cấp phép có kết nối với chủ sử dụng lao động ở các quốc gia đích đến, tức là nơi chủ sử dụng lao động liên hệ với các đơn vị tuyển dụng để tìm người lao động hoặc thông qua các người môi giới ở các quốc gia đích đến. Ví dụ, Bengsten (2022) đã nhấn mạnh cách các công ty môi giới Đài Loan cũng thu một khoản phí từ tiền lương của người lao động nhập cư ở nước này.

Ngay cả với các đơn vị tuyển dụng được cấp phép, nhiều lao động di cư vẫn trả số tiền vượt quá định mức theo quy định của pháp luật do thiếu minh bạch về phí và chi phí (CREST, 2021). Ngoài ra, có rất nhiều đại lý phụ và đơn vị tuyển dụng chưa đăng ký. Người di cư phải trang trải các chi phí sắp xếp giấy tờ đi lại, vé máy bay, bảo hiểm, kiểm tra y tế, đào tạo, phí tuyển dụng và bố trí việc làm, phần trăm lợi nhuận cho các đại lý tuyển dụng và tiền đặt cọc (đối với Nhật Bản) (Hoàng, 2020). Hoàng và Yeoh (2015) phát hiện ra rằng người lao động di cư thường phải trả phí sắp xếp công việc cao gấp 5 đến 15 lần mức trần quy định của Chính phủ, lẽ ra là một tháng lương cho mỗi năm của hợp đồng.

Bảng 2 Phí tuyển dụng

Dịch đến	Chi phí tuyển dụng trung bình bằng đô la Mỹ	Khoảng chi phí tuyển dụng bằng đô la Mỹ
Nhật Bản	8,000 - 10,500	2,000 - 14,500
Hàn Quốc	5,250 - 6,250	1,250 - 10,000
Đài Loan	Tăng đều	500 - 6,500

Nguồn: CREST (2021)

Mặc dù Việt Nam có số lượng lớn các đơn vị tuyển dụng đã đăng ký nhưng không phải tất cả người di cư lao động đều sử dụng các đơn vị này. Mạng lưới các bên tham gia hỗ trợ di cư khá phức tạp do lợi nhuận có thể thu được từ hoạt động này. Một số người môi giới không chính thức có thể bị coi là đối tượng đưa người di cư trái phép, hoặc thậm chí là đối tượng MBN tùy thuộc vào các quy định ở quốc gia đích đến. Tuy nhiên, hoạt động này hiếm khi phù hợp với nhận thức chung về tội phạm có tổ chức có mạng lưới rộng, kết cấu chặt chẽ và nhằm vào các nạn nhân một cách có chủ đích. Thay vào đó, nhiều người môi giới chỉ là những cá nhân tìm cách cung cấp dịch vụ để kiếm tiền, họ quan tâm đến phúc lợi của người di cư lao động ở các mức độ khác nhau.

UN-ACT nhấn mạnh rằng ‘ Đối tượng MBN đến từ nhiều tầng lớp khác nhau, từ nhân viên tuyển dụng đến các thành viên trong gia đình nạn nhân. Các công ty xuất khẩu lao động Việt Nam và các công ty môi giới trung gian không có giấy phép hoạt động bất hợp pháp, bóc lột những người di cư dễ bị tổn thương và tuyệt vọng. Nhiều nhóm tội phạm có tổ chức tham gia MBN ra nước ngoài như lao động cưỡng bức trẻ em Việt Nam tại các trang trại cần sa ở Anh. Đối tượng MBN cũng sử dụng internet ngày càng nhiều để lừa gạt nạn nhân.

Điều này cho thấy khoảng cách có ảnh hưởng đến cách thức tổ chức tuyển dụng. Chẳng hạn, việc di cư sang các nước láng giềng dễ dàng hơn nhiều so với phải đi qua một số quốc gia. Qua các cuộc phỏng vấn cũng cho thấy sự đa dạng hóa ngày càng tăng của những người hỗ trợ di cư lao động, từ người môi giới cho đến người thân trong gia đình, người quen ở địa phương và những người môi giới hoạt động dưới danh nghĩa các đơn vị tuyển dụng chính thức⁵.

Trong khi các đơn vị tuyển dụng đã được đăng ký thường sử dụng thị thực chính thức, thì nhu cầu cao, kết hợp với chính sách hạn chế di cư ở nhiều quốc gia đã tạo cơ hội cho những

⁵ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

người môi giới không chính thức tham gia hỗ trợ lao động di cư. Như Hoàng (2020: 33) nhận thấy, “di cư lao động xuyên quốc gia ở châu Á phần lớn được tổ chức bởi các mạng lưới môi giới thương mại tinh vi, những người phát triển mạnh do các chính sách hạn chế di cư và sự chênh lệch trong phân bổ lao động và việc làm trong khu vực”. Mặc dù các đơn vị tuyển dụng được cấp phép thường là lựa chọn an toàn nhất, nhưng qua các cuộc phỏng vấn cho thấy các đơn vị này không nhất thiết phải hỗ trợ người lao động khi họ đến đích. Có báo cáo về việc các đơn vị tuyển dụng vận chuyển người lao động ra nước ngoài, sau đó chuyển họ cho chủ sử dụng lao động mà không liên hệ hoặc hỗ trợ họ trong trường hợp khẩn cấp⁶.

Tuyển dụng trực tuyến đang gia tăng một cách trầm trọng hơn do đại dịch COVID-19. Báo cáo về MBN năm 2021 của Hoa Kỳ ghi nhận rằng “đối tượng MBN ngày càng sử dụng internet, các trang mạng trò chơi và đặc biệt là mạng xã hội để dụ dỗ nạn nhân, mở rộng các hoạt động MBN và kiểm soát nạn nhân bằng cách hạn chế quyền truy cập mạng xã hội của họ, mạo danh họ và truyền bá thông tin trực tuyến sai lệch” (Hoa Kỳ, 2021; 608). Cho đến nay, có rất ít nghiên cứu về động cơ và hình thức sử dụng các công cụ trực tuyến⁷.

4.2 Nguyên nhân

Nghèo đói thường được coi là nguyên nhân thúc đẩy di cư, nhưng nghèo đói cũng cực kỳ ngăn cản di cư lao động do chi phí cao. Di cư để làm việc có chi phí trả trước cao, khiến người nghèo rất khó di cư. Nhiều người di cư đã bán nhà cửa, vay mượn gia đình và bạn bè hoặc mắc nợ người môi giới để trang trải các khoản phí này, điều này làm tăng tính dễ bị tổn thương của họ (Hoàng, 2020).

Yếu tố kéo là kinh tế. Khảo sát của Zhang và cộng sự (2021) về những người di cư lao động tại Nhật Bản và Đài Loan cho thấy hầu hết những người được hỏi đều cho rằng họ không thể sinh sống và hỗ trợ gia đình bằng thu nhập tại Việt Nam. Tương tự, một nghiên cứu năm 2017 của IOM và Bộ Ngoại giao cho thấy lao động di cư kiếm được nhiều tiền hơn khi làm việc ở nước ngoài so với làm cùng một công việc ở Việt Nam. Khi dân số ngày càng tăng và đất canh tác hạn chế làm suy yếu nền nông nghiệp tự cung tự cấp, thì tình trạng thiếu việc làm ngày càng phổ biến (Hoàng, 2020). Ngoài ra, nhiều gia đình ở nông thôn có khoảng cách giữa thu nhập và chi tiêu rất ít, điều này tạo điều kiện cho bẫy nợ (Hoàng, 2020). Do đó, phần lớn người di cư lao động đến từ các vùng nông thôn nghèo ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Tầm quan trọng của di cư lao động theo hợp đồng đối với các gia đình nghèo ở nông thôn đã được Chính phủ Việt Nam ghi nhận thông qua các chính sách gần đây xác định “xuất khẩu lao động” là một chiến lược giảm nghèo.

Ngoài ra còn có áp lực chu cấp cho gia đình ở quê nhà. Nhiều lao động di cư trở về được phỏng vấn có mục đích kiếm tiền để nuôi gia đình và cải thiện tình hình kinh tế của bản thân. Điều này thường liên quan đến yếu tố giới tính, vì nam giới được coi là trụ cột, cần che chở gia đình (Hoàng, 2020). Áp lực chu cấp cho gia đình không chỉ là vấn đề sinh tồn. Vị thế gia đình cũng trở nên quan trọng hơn và kiêu hỷ là niềm tự hào giúp cải thiện vị thế của một gia đình tại địa phương (Beadle và Davison, 2019). Áp lực này ngày càng tăng khi thế hệ trẻ có mong muốn về của cải vật chất lớn hơn (Quỳnh, 2016).

4.3 Điểm đến 1: Nhật Bản / Hàn Quốc / Đài Loan

⁶ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

⁷ Điều này được thảo luận chi tiết hơn trong các hành lang di cư cụ thể.

Người di cư lao động Việt Nam tìm đến các điểm đến ở các quốc gia Đông Á, được cho là ít rủi ro hơn vì đây là các kênh di cư chính thức hơn. Mức lương ở các quốc gia Đông Á cũng hơn ở Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Trung Đông. Công việc trong các nhà máy có hợp đồng được sắp xếp và quản lý thông qua các đơn vị tuyển dụng⁸. Hợp đồng được ký kết tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, vì vậy người di cư đã có sẵn công việc được thỏa thuận trước khi đến nơi. Tuy nhiên, các điều kiện này cũng có những hạn chế vì người di cư không thể thay đổi chủ sử dụng lao động và không thể trở về trước khi hoàn thành hợp đồng (Mạng lưới Di cư Mê Kông, 2022)⁹. Điều này tương đối nhất quán giữa các ngành.

Có một hình thức di cư sang Nhật Bản trước đây được gọi là Chương trình đào tạo kỹ năng cho thực tập sinh (TITP), trong đó người lao động phải qua một tổ chức giám sát để đáp ứng các yêu cầu 'đào tạo', về thị thực và bị trừ lương cho khoảng thời gian đào tạo đó¹⁰. Chi phí và lệ phí thị thực cao vì bao gồm cả phí đào tạo trước 1.000 đô la Mỹ. Mặc dù người lao động chỉ được học một kỹ năng nhưng lại thường phải làm việc trên dây chuyền sản xuất (Bengsten, 2022). Ngoài các chương trình đào tạo, cũng có nhiều lựa chọn không chính thức hơn như làm việc tại các trang trại, chợ, siêu thị, cửa hàng, photocopy và các việc khác. Các công việc này thường không có hợp đồng lao động và được kết nối qua người môi giới¹¹. Những phương án này thường được những người đang ở Nhật Bản lựa chọn do di cư trái phép đến quốc gia này rất khó.

Chi phí khởi hành đến những quốc gia này cũng cao hơn so với các quốc gia khác như Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a vì các đơn vị tuyển dụng và môi giới thu phí hợp đồng làm việc cao hơn¹². Ví dụ, một lao động di cư được phỏng vấn cho biết đã trả 140 triệu đồng (khoảng 6.500 đô la Mỹ) cho hợp đồng 3 năm mà không hiểu rõ khoản phí đó gồm những gì¹³. Nhiều người lao động đã lâm vào cảnh nợ nần để chi trả cho chuyến đi đến các quốc gia này¹⁴. Do đó, họ phải chịu nhiều áp lực kiếm tiền hơn, thúc đẩy một số người ở lại bất hợp pháp sau khi hết hạn thị thực. Việc này cũng khiến họ dễ bị mua bán, vì những người lao động hết hạn hợp đồng chính thức khó có thể được hỗ trợ vì nguy cơ bị trục xuất¹⁵.

Người lao động di cư sợ mất việc nên không phản đối hay nói ra những vấn đề giữa họ và chủ sử dụng lao động. Đặc biệt khi chuyển sang làm việc bất hợp pháp, họ hiếm khi tiếp cận các cơ quan để được bảo vệ hoặc tìm đến thanh tra lao động.

Tôi biết một số trường hợp người lao động Việt Nam sang làm việc bất hợp pháp ở Hàn Quốc đã bị bóc lột sức lao động, bị chuyển sang nơi làm việc khác mà họ không muốn, bị trả lương thấp hoặc bị đối xử tàn tệ. Vấn đề là họ không thể bỏ việc vì nếu họ phản đối họ sẽ bị mất việc hoặc nếu họ báo cảnh sát thì sẽ bị lộ ra là làm việc bất hợp pháp (Một nữ lao động Việt Nam từ Hàn Quốc trở về)

⁸ Phỏng vấn các tổ chức quốc tế, cơ quan chính phủ, công ty tuyển dụng và lao động di cư hồi hương, Việt Nam, tháng 2 năm 2022.

⁹ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

¹⁰ Xem tại: <https://www.jitco.or.jp/en/regulation/index.html>; <https://gsp.cgdev.org/legalpathway/technical-intern-training-program-titp/>. Chương trình lao động đến Nhật Bản cho phép lao động từ 16 quốc gia nguồn: Bangladesh, Campuchia, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Pakistan, Peru, Phi-lip-pin, Myanmar, Mông Cổ, Nepal, Sri Lanka, Thái Lan, Uzbekistan và Việt Nam bao gồm 146 công việc trong 82 ngành

¹¹ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

¹² Phỏng vấn các tổ chức quốc tế và lao động di cư trở về, tháng 2 năm 2022.

¹³ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

¹⁴ Phỏng vấn các tổ chức quốc tế và lao động di cư trở về, tháng 2 năm 2022.

¹⁵ Phỏng vấn các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế và lao động di cư trở về, tháng 2 năm 2022

Ví dụ, một người được phỏng vấn đã mô tả người lao động không trình báo sự việc trong quá trình thanh tra lao động như thế nào:

Tôi nói mọi việc là 'tự nguyện' để không làm hại đến sếp/công ty. (Phỏng vấn nữ lao động di cư từ Hà Tĩnh)

Điều này không phải do chủ sử dụng lao động ép buộc mà do người lao động di cư muốn giữ được việc làm và muốn chủ sử dụng lao động tiếp tục được hoạt động.

Người lao động thường ở lại các quốc gia đích đến lâu hơn để tìm kiếm các công việc khác nhau thông qua mạng lưới đã được thiết lập tại địa phương.

Có những người Việt Nam ở Đài Loan lâu năm, biết các chủ doanh nghiệp cần lao động nên môi giới lao động Việt Nam phá hợp đồng để đi làm bất hợp pháp với mức lương cao hơn. Phá hợp đồng là vi phạm pháp luật và bạn có thể bị bắt và trục xuất về nước bất cứ lúc nào, nhưng một số người vẫn chấp nhận rủi ro vì họ muốn kiếm càng nhiều tiền càng nhanh càng tốt. Thường thì đó là những người có gánh nặng nuôi gia đình, trả nợ đã vay để đi làm việc ở nước ngoài. (Một nữ lao động di cư từ Đài Loan trở về)

Có một số biện pháp bảo vệ tại các quốc gia đích. Tại Nhật Bản, Tổ chức Đào tạo kỹ năng Thực tập sinh (OTIT) quản lý quy trình đào tạo kỹ năng thực tập sinh bằng cách kiểm tra chủ sử dụng lao động và giám sát các yêu cầu cấp phép, nhưng trọng tâm chủ yếu của hoạt động này vẫn là hợp tác với các quốc gia nguồn và khu vực công nghiệp để đảm bảo dòng lao động di cư liên tục¹⁶. Sau khi những người di cư đến Nhật Bản, họ được chuyển từ đơn vị tuyển dụng sang các tổ chức giám sát, được gọi là tổ chức đại diện của người lao động [Nghịệp đoàn], mà người lao động có thể liên hệ nếu cần thiết. Người di cư được cung cấp ít thông tin trước khi khởi hành, vì vậy họ có thể không biết đến các hỗ trợ sẵn có và có thể lo sợ mất việc làm hoặc lo sợ về tình trạng của mình (Mạng lưới Di cư Mê Kông, 2022)¹⁷. Ví dụ, người lao động di cư Việt Nam tại Nhật Bản không được hướng dẫn đầy đủ trước khi khởi hành về công việc, quy trình làm giấy tờ, văn hóa và phong tục Nhật Bản, mặc dù tất cả lao động di cư Việt Nam đều tham gia khóa đào tạo ngôn ngữ (Mạng lưới Di cư Mê Kông, 2022).

4.4 Điểm đến 2: Trung Quốc

Trung Quốc là điểm đến phổ biến của người di cư Việt Nam vì có đường biên giới trên đất liền khiến việc di cư trái phép dễ dàng hơn, đặc biệt là đối với những người lao động có nguyện vọng di cư từ các tỉnh phía Bắc. Trung Quốc cũng là quốc gia trung chuyển cho người Việt di cư sang Nga và châu Âu¹⁸. Tuy nhiên, Trung Quốc đang xây dựng một bức tường biên giới để kiểm soát di cư. Mặc dù bức tường được thiết kế để kiểm soát các cửa khẩu biên giới hiệu quả hơn, nhưng nó cũng để ngăn chặn tình trạng người Trung Quốc di

¹⁶ Phỏng vấn các cơ quan nhà nước, Việt Nam tháng 1 năm 2022; phỏng vấn người lao động di cư trở về, tháng 2 năm 2022.

¹⁷ Phỏng vấn dịch vụ hỗ trợ nhân, tổ chức quốc tế và người lao động di cư trở về, tháng 1-tháng 2 năm 2022.

¹⁸ Đây là trọng tâm của các chương trình của Chính phủ Anh về nỗ lực hiện đại tại Trung Quốc.

cur gia tăng sau suy thoái kinh tế do COVID-19 gây ra và các nhà máy ở Việt Nam do các doanh nhân Trung Quốc làm chủ được thành lập (Jennings, 2021)

Trung Quốc đã trở thành một trung tâm của hôn nhân xuyên biên giới. Quốc gia này thiếu phụ nữ do chính sách một con có hiệu lực từ năm 1980 đến năm 2015. Những người đàn ông nghèo khó thu hút phụ nữ Trung Quốc nên phải trả tiền để lấy vợ Việt Nam. Một số báo cáo chỉ ra rằng giá mua một cô dâu đã tăng từ 4.000 nhân dân tệ (550 đô la Mỹ) vào năm 2010 lên 120.000 nhân dân tệ (16.500 đô la Mỹ) vào năm 2020, nhưng con số này vẫn ít hơn nhiều so với của hồi môn cho một người vợ Trung Quốc (Wang, 2022). Việt Nam, cũng như Campuchia và Lào, là nguồn cung cấp vợ đặc biệt, với con số ước tính hơn 100.000 phụ nữ Việt Nam đã kết hôn với đàn ông Trung Quốc (Li, 2020).

Một số cuộc hôn nhân được sắp đặt chính thức. Ví dụ, nhiều đàn ông Trung Quốc đã tìm được vợ khi làm việc tại Việt Nam hoặc khu vực biên giới (Li, 2020). Ngày càng có nhiều công ty môi giới hôn nhân bất hợp pháp tìm những phụ nữ muốn lấy chồng nước ngoài. Các công ty này có thể lừa dối phụ nữ về tuổi tác hoặc sự giàu có của người bạn đời tương lai (Li, 2020). Cũng đã có một số vụ lừa đảo đã được xác định qua hình thức dàn xếp hôn nhân sau đó người phụ nữ nhận của hồi môn và biến mất trước đám cưới (Li, 2020).

Trong một số trường hợp, phụ nữ và trẻ em gái bị dụ dỗ bằng những lời hứa hẹn tìm việc làm và bị ép buộc kết hôn, tạo ra mối liên kết với bóc lột lao động. Cũng có thể có mối liên kết với bóc lột tình dục, khi các gia đình Trung Quốc sắp đặt hôn nhân để thu lợi từ khoản đầu tư của mình.

Như một lao động di cư trở về chia sẻ:

Người ta nói là có công việc gần Trung Quốc. Lúc đi theo có cả người già nên tôi không nghĩ mình bị lừa, bị bán. Họ nói đi làm ở nông trường cao su. Tôi không biết mình đang ở Trung Quốc hay Việt Nam. Họ dắt tôi đi bằng xe đạp, người già đi trước, người trẻ đi sau. Rồi khi đến biên giới Ma Lù Thàng, tôi mới biết mình bị lừa. Họ dừng xe để đưa chúng tôi lên xe tải. Tôi bỏ chạy nhưng họ bắt được và đánh tôi. (người phụ nữ trở về 23 tuổi)

Hình thức di cư này thông qua môi giới, người thân hoặc hàng xóm chứ không qua các kênh chính thức¹⁹. Việc sử dụng các mạng xã hội để dụ dỗ phụ nữ trẻ đang ngày càng gia tăng. Các đối tượng thường đóng giả là 'bạn bè' thuyết phục họ di cư²⁰. Một người di cư trở về đã kết bạn với một người trên Facebook, người này rủ cô đi sang Trung Quốc:

Tôi được một người bạn rủ khi tôi 14 tuổi. Bạn ấy đã liên lạc với tôi qua Facebook vì vậy tôi đã không suy nghĩ (một phụ nữ 19 tuổi trở về từ Trung Quốc năm 2017).

Người di cư có thể vượt biên dễ dàng bằng xe máy, ô tô, xe tải và đi bộ, với các báo cáo rằng việc kiểm soát biên giới không hiệu quả do đường biên giới dài²¹. Nhiều người di cư không mang theo giấy tờ, gây khó khăn khi họ bị trả về từ các quốc gia khác do không thể chứng minh danh tính của mình²². Đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số sống gần biên giới, việc

¹⁹ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022.

²⁰ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022.

²¹ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam. Tháng 1 năm 2022

²² Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam. Tháng 1 năm 2022.

vượt biên rất dễ dàng – trong vòng bảy ngày sau khi đến họ phải xin dấu của chính quyền, nhưng nhiều người không làm như vậy, thường là vì họ đã vượt biên mà không có giấy tờ²³.

Khi đến Trung Quốc, có một số biện pháp bảo vệ người di cư Việt Nam. Có đường dây nóng và trung tâm cảnh sát dành cho cô dâu Việt, công an Trung Quốc theo dõi và trao trả họ về Việt Nam²⁴. Đường dây nóng này được báo cáo là được sử dụng tốt. Ví dụ, một người được phỏng vấn cho biết:

Khi tôi học được một số [tiếng Trung Quốc], tôi đã xem TV ở Trung Quốc và nghe nói về đường dây nóng 110 dành cho những người vợ Việt Nam bị mua bán. Rồi tôi xin nhà chồng cho tôi ra ngoài. Tôi đã mua một thẻ SIM. Tôi xin gia đình cho tôi gọi điện cho mẹ để thông báo là 'con đã an toàn'. Họ đồng ý. Sau đó, tôi có thể xin họ cho phép đi chợ, để gọi 110. Họ đưa tôi đến chợ, khi đến đó, tôi trốn xuống khu vực gầm cầu. Cảnh sát hướng dẫn tôi cách trốn thoát, đến chợ, chờ còi báo động và chạy đến xe cảnh sát. (người phụ nữ 23 tuổi trở về)

Mặc dù trường hợp trên có kết quả tích cực, nhưng có thể nhiều phụ nữ không biết về đường dây nóng này. Nhiều người di cư không có giấy tờ nên đã bị giam giữ một thời gian vì khó xác định họ là ai và từ đâu đến. Một nghiên cứu của Stockl và cộng sự (2017) phát hiện ra rằng trong số 51 người vợ trở về được phỏng vấn, 59% đã trải qua thời gian bị giam giữ trước khi trở về, điều này cho thấy thiếu các phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm trong ứng phó của cơ quan thực thi pháp luật đối với nạn nhân và những sang chấn mà họ đã trải qua.

Đối với một số phụ nữ, đặc biệt là ở các khu vực biên giới, kết hôn với đàn ông Trung Quốc có thể mang lại lợi ích kinh tế cho cả hai bên. Huang (2017) đã nghiên cứu các hoạt động làm ăn xuyên biên giới của phụ nữ Việt Nam và xác định mô hình nhân rộng mà Farrer (2008) gọi là 'các cuộc hôn nhân liên doanh' mang lại lợi ích cho cả hai bên. Nhiều cặp vợ chồng bắt đầu làm ăn cùng nhau và phát huy thế mạnh cá nhân cũng như khả năng ngôn ngữ của mình. Như vậy, cuộc hôn nhân của phụ nữ Việt Nam với đàn ông Trung Quốc rất phức tạp và đòi hỏi ứng phó sắc bén để không coi những người như vậy là nạn nhân hoặc không làm tổn thương những người là nạn nhân thực sự.

4.5 Điểm đến 3: Các nước Đông Nam Á khác

Lao động di cư Việt Nam cũng đến các nước Đông Nam Á khác qua đường bộ, cả hợp pháp và bất hợp pháp. Trước tiên, họ di chuyển đến Lào và Campuchia với tư cách là khách du lịch, sau đó sang Thái Lan và Myanmar vì không cần thị thực. Trong khi lao động di cư từ Việt Nam chủ yếu là nam giới và trẻ em trai, thì di cư từ những nơi xa hơn đến các quốc gia này thường có nhiều phụ nữ hơn, chủ yếu làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, với việc di cư được dàn xếp thông qua môi giới²⁵. Các công ty tuyển dụng cũng đưa lao động sang Thái Lan qua Myanmar và Campuchia. Người lao động cho biết họ đã được đào tạo trước khi khởi hành, nhưng việc đào tạo này được cho là quá ngắn và hời hợt khiến nhiều

²³ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam. Tháng 1 năm 2022; Phỏng vấn với dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, Việt Nam Tháng 1 năm 2022.

²⁴ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022.

²⁵ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021 và tháng 2 năm 2022.

người di cư không nhớ được các điểm chính khi họ đến quốc gia tiếp theo. Trung tâm Hòa nhập sau khi đến do Chính phủ Thái Lan điều hành định hướng cho những người di cư theo hình thức chính thức sau khi đến Thái Lan. Khi nhận được công việc tại Thái Lan, người di cư sẽ được hỗ trợ rất hạn chế từ đơn vị tuyển dụng (Mạng lưới Di cư Mê Kông, 2022). Gần đây đã có các mô hình di cư lao động, MBN và bóc lột người di cư tại các trung tâm cuộc gọi-Call center ở Campuchia và các nước khác trong khu vực. Người di cư Việt Nam nằm trong số những người bị lừa để làm việc trong các trung tâm cuộc gọi như vậy, nhưng nghiên cứu không tập trung vào mô hình này.

Đi du lịch với tư cách là du khách được phép lưu trú một tháng không cần thị thực ở các nước Đông Nam Á, nhưng để ở lại hợp pháp, một số người di cư phải thường xuyên quay lại biên giới để gia hạn việc lưu trú không cần thị thực của mình. Đây có thể là một hành trình gian khổ nếu họ đang làm việc ở Thái Lan hoặc Myanmar. Ví dụ, một người di cư kể lại lần đầu tiên họ trở lại biên giới Việt Nam:

Tôi nhớ chuyến trở về Việt Nam. Họ chắt tôi và những người khác lên một chiếc xe tải lúc 10 giờ tối, ở bên trong và có mái che. Chiếc xe tải đi qua một đường hầm nhỏ và chúng tôi rất sợ. Chúng tôi nghĩ rằng họ sẽ bán mình. Xe chạy xuyên rừng, thậm chí chúng tôi còn phải đi bộ bằng chân đất. Sau đó đến một chiếc thuyền nhỏ, trên thuyền có hơn 10 người. Tôi sợ quá, nắm tay người bên cạnh và thậm chí liệu mình có thể sống sót được không. Người bên cạnh trấn an tôi, nói rằng 'đừng lo, qua sông là an toàn'. Đến 2, 3 giờ sáng thì đến biên giới Lào rồi Việt Nam. Đó là lần đầu tiên vì thế tôi đã rất sợ. Sau đó tôi trở lại Thái Lan và trở lại Việt Nam nhiều lần hơn. Tôi đã quen với việc này (Phòng vấn N. đến từ Hà Tĩnh)

Quy trình này có tác dụng tại Lào và Campuchia, nhưng tại Thái Lan và Myanmar những người di cư trái phép vẫn có thể bị trục xuất, điều này khiến họ dễ bị bóc lột hơn. Trong quý 1 năm 2022, 50 người Việt Nam di cư trái phép đã được cơ quan chức năng Myanmar tìm thấy và trao trả về Việt Nam. Nhiều người là phụ nữ và 8 người đã bị bóc lột tình dục²⁶. Mặc dù Việt Nam và Myanmar không có hiệp định song phương về MBN, nhưng nếu theo tiến trình COMMIT, các Chính phủ đồng ý hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, tuy nhiên trong trường hợp này, những người di cư trên bị coi là di cư trái phép và bị trục xuất.

Tại Thái Lan, lao động di cư được xác định làm việc trong các ngành sản xuất, xây dựng, dịch vụ và giúp việc gia đình (Mạng lưới Di cư Mê Kông, 2022)²⁷. Công việc chủ yếu là không chính thức và hiếm khi có hợp đồng bằng văn bản²⁸. Điều kiện làm việc cũng khó khăn. Một công nhân trong một nhà máy Thái Lan được phỏng vấn cho biết họ đã nghỉ việc vì điều kiện làm việc:

Ở công ty có một người Việt nói được chút tiếng Thái nên tôi nhờ họ nói với sếp là tôi mệt quá không làm tiếp được nên xin nghỉ. Công ty bảo tôi tự chi trả tiền để về nước. Tôi trả 10 triệu đồng để lấy vé về nhà. (Phòng vấn CK, Hà Tĩnh).

²⁶ Phòng vấn dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, tháng 12 năm 2021

²⁷ Phòng vấn người lao động di cư trở về, tháng 12 năm 2021

²⁸ Phòng vấn người lao động di cư trở về, tháng 12 năm 2021

Mặc dù công việc khó khăn, làm việc trong thời gian dài nhưng nhiều người chọn làm thêm giờ để kiếm thêm tiền.

Hầu hết các ngày tôi phải làm việc 12 tiếng, từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối. Có ca đêm nhưng phụ cấp ca đêm chỉ được trả khi làm trên 16 tiếng một ngày. Tôi làm ở xưởng dệt thổ cẩm có hàng nghìn người, mà dệt thổ cẩm đòi hỏi sự tinh táo, nhanh mắt. Mọi người thường ở lại đây làm việc để tiết kiệm tiền nên cố gắng tăng ca (nếu còn sức khỏe), không dám về thăm người thân. (Phòng vấn CK, Hà Tĩnh)

Người lao động không biết tiếng càng dễ bị bóc lột và bị bắt làm việc mà không được trả đủ lương, không thể trình báo hoặc đòi lương²⁹. Những người Việt Nam di cư cũng không sẵn sàng giúp đỡ những người lao động Việt Nam khác vì họ lo lắng về tình trạng và công việc của mình. Người lao động di cư hiếm khi liên hệ hoặc tìm đến Đại sứ quán hoặc Tùy viên Lao động Việt Nam tại Thái Lan để được hỗ trợ³⁰, trừ khi họ phải đổi hộ chiếu, gia hạn giấy phép lái xe hoặc hỏi về các chuyến bay giải cứu về nước trong mùa dịch COVID-19 để tránh bị mắc kẹt ở nước ngoài³¹ vì nhiều người là lao động nhập cư bất hợp pháp, họ sợ liên hệ với đại sứ quán sẽ bị trục xuất.

Người lao động di cư ở Thái Lan có thể nhận được một số hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, những tổ chức này đã tư vấn cho từng trường hợp cụ thể (ví dụ: chuẩn bị giấy tờ gì, làm thế nào để yêu cầu bồi thường), hỗ trợ trong quá trình yêu cầu trợ cấp, đưa họ đến bệnh viện hoặc phòng khám, hỗ trợ liên quan đến COVID-19 (ví dụ: nhận 'túi dự phòng', vận chuyển đến/phối hợp với các bệnh viện, hỗ trợ xét nghiệm và tiêm phòng) (Mạng lưới Người di cư Mê Kông, 2022)³².

4.6 Điểm đến 4: Trung Đông, Châu Âu và các nơi khác³³

Lao động di cư Việt Nam ngày càng có nhiều cơ hội làm việc ở Trung Đông và lâu nay cũng đã có những hình thức di cư lao động sang các nước châu Âu. Di cư lao động trái phép đến châu Âu thường thông qua các tuyến đường bộ qua Trung Quốc hoặc bay đến Nga đầu tiên. Cũng có thể có các chuyến bay trực tiếp đến các nước Đông Âu. Do tính chất bí mật của hành trình dài, đến nơi xa lạ, chi phí di cư cao, khiến khó phân định rõ ràng giữa việc bị ép buộc, lừa dối hay tự nguyện của người di cư, đồng thời làm mờ ranh giới giữa MBN và đưa người di cư trái phép. Vụ việc 39 người Việt Nam di cư chết trong xe tải đông lạnh ở Vương quốc Anh năm 2019 đã nêu bật những rủi ro và khó khăn liên quan đến phân biệt giữa MBN và đưa người di cư trái phép theo các hình thức như vậy. Các lĩnh vực dễ bị tổn thương bao gồm xây dựng, lâm nghiệp, sản xuất hàng may mặc và tiệm làm móng. Các trường hợp di cư theo các hình thức này đã tăng trong những năm gần đây, quá cảnh qua các quốc gia như

²⁹ Phòng vấn người lao động di cư trở về, tháng 12 năm 2021

³⁰ Phòng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

³¹ Phòng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

³² Phòng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021

³³ Hành lang này không phải là trọng tâm của nghiên cứu này, do nhu cầu thu hẹp phạm vi và trọng tâm chính là gắn kết với các nước nguồn và nước đến trong ASEAN. Thông tin hành lang này được thêm vào để phản ánh quy mô bóc lột lao động di cư Việt Nam theo các mô hình khác, và là tâm điểm của các nghiên cứu khác.

Trung Quốc, Nga, Bỉ hoặc Đức sau đó chuyển sang Pháp, Hà Lan hoặc Vương quốc Anh trong điều kiện rủi ro. Các nhà chức trách Vương quốc Anh đã nhận định người di cư Việt Nam là một trong những đối tượng dễ bị mua bán nhất, khi người trưởng thành và trẻ em phải trải qua các mức độ ép buộc và vũ lực khác nhau trong hoạt động tội phạm như trồng cần sa cũng như trong công việc bóc lột trong các tiệm làm móng.

Mức phí cắt cổ lên tới 30.000 đô la Mỹ (tương đương 52.000 đô Úc) để đến các quốc gia ở Tây Âu khiến người di cư gặp rủi ro và thường phải làm việc trong điều kiện lao động cưỡng bức để trả các khoản nợ phát sinh cho việc di cư. Cũng có những cuộc di cư đến Đông Âu, bao gồm cả Cộng hòa Séc để làm trong lĩnh vực lâm nghiệp- nơi bị chú ý vì điều kiện làm việc có tính chất bóc lột. Các thỏa thuận gần đây với Hungary, Romania và Serbia-hiện đang thiếu lao động giúp cho người di cư Việt Nam có thể kiếm việc làm ở đó dễ dàng hơn, nhưng khi phải làm việc trong những nơi có thể bị cưỡng bức lao động, người lao động di cư không được chính quyền xác định và công nhận là nạn nhân. Nếu người di cư thấy các điều kiện tồi tệ hơn những gì họ đã được hứa hẹn và có thể tìm ra lối thoát, họ có thể chuyển đến các nước châu Âu thứ ba, với sự trợ giúp của các mạng lưới đưa người di cư trái phép với chi phí cao hơn.

Gần đây, các hình thức bóc lột sức lao động đối với phụ nữ Việt Nam di cư làm giúp việc gia đình ở Trung Đông đã được báo cáo, đặc biệt là ở Ả-rập Xê-út. Cái chết của một người lao động 15 tuổi vào năm 2021 đã đưa những hành vi ngược đãi này ra ánh sáng – cô ấy đã bị chủ đánh đập và không được cho ăn uống hay điều trị y tế. Đồng thời, trong nhiều lao động trở về Việt Nam có một số có thể là nạn nhân của MBN. Trong những trường hợp như vậy, không phải tất cả các nạn nhân đều được sàng lọc, xác định và công nhận chính thức là nạn nhân ở các quốc gia đích hoặc ở Việt Nam và cũng không có các hành động đầy đủ để ngăn chặn thủ phạm, giải quyết các vụ việc hoặc theo đuổi công lý cho các nạn nhân.

5 Chu kỳ di cư lao động – Tính dễ bị tổn thương

Mặc dù di cư để tìm việc làm là một lựa chọn, nhưng có nhiều yếu tố khác nhau định hình nên lựa chọn đó cũng như ảnh hưởng đến quyền thực hiện quyền tự quyết của người di cư. Ở mỗi giai đoạn của hành trình – từ trước khi khởi hành, quá cảnh, ở quốc gia đích đến và khi trở về Việt Nam – người lao động di cư đều dễ bị tổn thương. Trước khi đi, trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương, thách thức chính là thiếu kiến thức, không có khả năng tiếp cận thông tin đáng tin cậy và phí tuyển dụng. Những yếu tố này cũng ảnh hưởng đến hành trình của người lao động di cư. Các khoản nợ khiến người di cư chấp nhận rủi ro ở quốc gia đích đến để kiếm thêm tiền. Cạnh tranh giữa những người lao động di cư cũng làm tăng tính dễ bị tổn thương ở quốc gia tiếp nhận, vì mỗi người lao động di cư thương lượng các điều kiện của riêng mình, với khả năng học hỏi kinh nghiệm từ những người đi trước rất hạn chế. Đôi lại, những người lao động bị bóc lột phải đối mặt với những rào cản đáng kể trong việc được công nhận là nạn nhân hoặc nhận bồi thường, hỗ trợ và đền bù. Nội dung này được phân tích chi tiết hơn dưới đây.

5.1 Trước khi khởi hành

Có một số yếu tố khiến một số lao động di cư có nhiều khả năng tìm kiếm việc làm ở nước ngoài hơn và khiến một số người dễ bị bóc lột và lạm dụng hơn những người khác. Ví dụ so với nhóm dân tộc Kinh chiếm đa số (chiếm hơn 85% dân số Việt Nam), nhóm dân tộc thiểu số ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa của Việt Nam được hưởng lợi hạn chế hơn từ sự phát triển kinh tế quốc gia trong những thập kỷ gần đây. Việc hạn chế tiếp cận nguồn lực này khiến một số gia đình phải di cư để tìm kiếm cơ hội việc làm được trả lương cao hơn. Trong một số trường hợp, mọi người sẵn sàng di cư, nhưng nhu cầu về công việc được trả lương cao hơn mức họ có thể kiếm được ở Việt Nam tạo ra nguy cơ bị bóc lột. Tình trạng kinh tế của người di cư ảnh hưởng đến các lựa chọn dành cho họ – liệu họ có đủ khả năng trả phí để di cư đến Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan hay di cư trái phép sang các nước láng giềng. Ngoài ra, họ có thể không được thông tin đầy đủ về cách di cư an toàn.

Một nghiên cứu của Aplanđ và Yarrow (2019: 31) tập trung vào Việt Nam cho thấy rằng 'trong phần lớn các trường hợp, nạn nhân bị mua bán không bị những đối tượng tuyển mộ ép buộc đi, mà chủ động đưa ra quyết định di cư để tìm kiếm cơ hội hoặc sinh tồn và trở thành nạn nhân bị bóc lột trong hoàn cảnh đó, thường là do tính dễ bị tổn thương của họ'. Điều này đặc biệt áp dụng đối với trẻ em gái, những em thường xuyên phải nghỉ học để kiếm tiền phụ giúp gia đình hơn trẻ em trai. Một người được phỏng vấn ở Bát Xát, Lào Cai cho biết năm 13 tuổi: "*Em phải nghỉ học vì nhà đông anh chị em, em là thứ hai nên em phải nghỉ học để đi làm phụ giúp bố mẹ*"³⁴. Đây là kết quả của sự bất bình đẳng giới và có liên quan đến cơ hội giáo dục của trẻ em gái.

Tuy nhiên, một nghiên cứu của Dinh và cộng sự (2014) về các yếu tố dự báo nguy cơ bị mua bán ở Việt Nam đã phát hiện ra rằng mức thu nhập không phải yếu tố chính trong nguy cơ bị mua bán vì mục đích lao động mà có một yếu tố rõ ràng hơn liên quan đến trình độ học vấn đó là trình độ học vấn của hộ gia đình³⁵. Trình độ học vấn của hộ gia đình có mối liên hệ tiêu cực với nguy cơ bị mua bán. Dinh và cộng sự suy luận từ điều này (2014: 8) rằng 'các hộ gia đình có trình độ học vấn cao hơn có thể phân biệt được di cư hợp pháp với di cư trái phép'. Đồng thời, trình độ học vấn cá nhân có liên quan tích cực đến MBN. Dinh và cộng sự (2014) lập luận rằng sự liên quan này là do quyết định di cư được đưa ra ở cấp độ hộ gia đình. Các gia đình thường sẽ cử thành viên có học thức tốt nhất trong gia đình đi làm việc ở nước ngoài. Các nhà tuyển dụng có xu hướng nhắm mục tiêu vào các hộ gia đình có trình độ học vấn thấp vì cho rằng họ ít biết đến các kênh di cư an toàn. Mặt khác, họ cũng hướng đến cả những người có trình độ học vấn cao nhất vì những người này mang lại lợi nhuận cao nhất (Dinh và cộng sự, 2014). Điều này phù hợp với nghiên cứu do Rõng Xanh thực hiện về tất cả các hình thức MBN, trong đó phát hiện ra rằng đối tượng tuyển mộ nhắm mục tiêu vào những người nghèo, ít học ở các vùng nông thôn, nơi họ ít nhận thức được các chiêu trò lừa gạt (Rõng Xanh, n.d.).

Ở Việt Nam, giới tính và tuổi tác đều được xác định là có liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương. Mặc dù tập trung nhiều vào mua bán phụ nữ và trẻ em gái để bóc lột tình dục, các tài liệu về MBN ở Việt Nam có xu hướng ghi nhận trải nghiệm của nam giới và trẻ em trai liên quan đến MBN vì mục đích bóc lột lao động nhiều hơn, mặc dù rất ít người được xác

³⁴ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

³⁵ Được đo bằng số năm đi học trung bình trong hộ gia đình.

định chính thức là nạn nhân bị mua bán (Kiss và cộng sự, 2015). Ngày càng có nhiều tài liệu liên quan đến nam giới và trẻ em trai làm việc trong ngành đánh cá, cũng như trong nhà máy và nông nghiệp (Pocock và cộng sự, 2016; Kiss và cộng sự, 2015). Nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2021) phát hiện ra rằng 67,23% lao động di cư đến Nhật Bản và Đài Loan là nam giới. Vai trò trụ cột gia đình của nam giới, cần che chở gia đình, nhưng cũng phải thể hiện quyền lực và vị thế trong gia đình và cộng đồng là động lực mạnh mẽ khiến nam giới và trẻ em trai di cư để tìm việc làm (Hoàng, 2020).

Tất cả những yếu tố thúc đẩy nhu cầu tìm việc làm ở nước ngoài này tạo ra khả năng dễ bị bóc lột vì các cá nhân sẵn sàng chấp nhận rủi ro để có được công việc và có thể di cư. Việc Chính phủ Việt Nam thúc đẩy chính sách di cư lao động như một phần của chiến lược phát triển đất nước cũng có thể khiến cho việc bảo vệ người lao động khó khăn hơn, một yếu tố mà các công ty tuyển dụng và chủ sử dụng lao động có thể lợi dụng để trục lợi. Ngoài ra, lợi nhuận mà các đơn vị tuyển dụng và môi giới thu được có thể dẫn đến việc người di cư bị coi là hàng hóa tạo ra doanh thu thay vì là khách hàng yêu cầu dịch vụ từ các nhà tuyển dụng. Đây là vấn đề đã được ILO chỉ ra (xem ILO, 2020: 2). Mặc dù không phải tất cả các nhà tuyển dụng và môi giới đều thể hiện thái độ này, nhưng điều đó cho thấy người lao động di cư đang ở vị trí cuối cùng trong ngành xuất khẩu lao động.

Một số công ty tuyển dụng gửi người lao động đi làm việc theo con đường chính thức, có hợp đồng. Các công ty này phải chịu trách nhiệm nhiều hơn về điều kiện làm việc của người lao động và phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ hơn của quốc gia tiếp nhận trong chuẩn bị trước khi khởi hành cho người lao động. Họ cung cấp cho người lao động các khóa đào tạo, bao gồm đào tạo ngôn ngữ cơ bản, các kỹ năng cần thiết cho công việc, kỷ luật làm việc, luật pháp Việt Nam và luật pháp nước sở tại liên quan đến xuất khẩu lao động. Một số đơn vị tuyển dụng khác không cung cấp đào tạo đầy đủ để chuẩn bị cho người di cư làm việc ở một quốc gia khác và áp đặt những hạn chế về điều kiện sống trong quá trình đào tạo đối với họ³⁶. Điều này cho thấy một số nhà tuyển dụng tìm cách thu lợi bất chính từ xuất khẩu lao động.

Di cư thông qua các hệ thống tuyển dụng chính thức cũng không hẳn sẽ đảm bảo có nhiều sự bảo vệ, quyền và tự do hơn; Rủi ro khi sử dụng môi giới tư nhân cũng không khác biệt đáng kể so với việc sử dụng các đơn vị được cấp phép. Trong nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2021) về di cư lao động đến Nhật Bản và Đài Loan, cứ 5 công việc thì có hơn một việc thông qua người hỗ trợ tư nhân hoặc nhà tuyển dụng tư nhân thay vì các đơn vị chính thức. Vì những người hỗ trợ này tuyển lao động di cư qua “truyền miệng”, nên trong một số trường hợp, họ được cho là hỗ trợ tốt hơn các đơn vị tuyển dụng đã đăng ký. Ngay cả các đơn vị được cấp phép cũng bị phát hiện tuyển dụng lao động thông qua các mạng lưới và môi giới không chính thức hoặc bán giấy phép cho các công ty tư nhân (Hoàng, 2020).

Khó xác định một nhà tuyển dụng phù hợp do thiếu kiến thức hoặc nhu cầu chọn các phương án rẻ hơn đã làm tăng mức độ nợ nần của người lao động có nhu cầu di cư vì họ có thể bị lừa và tính phí quá cao, đặc biệt do thiếu thông tin đáng tin cậy về quá trình di cư. Khi người di cư mắc nợ để trang trải cho chuyến đi của mình, hoặc di cư để trả các khoản nợ hiện có, họ có thể bị buộc phải làm việc ở nước ngoài cho đến khi trả hết nợ³⁷. Ngoài ra, những người

³⁶ Phòng vấn ASEAN ACT tại Việt Nam.

³⁷ Phòng vấn tổ chức quốc tế, Việt Nam, tháng 1 năm 2022; phỏng vấn người lao động di cư, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

di cư có ít nguồn lực hơn nhiều khả năng lựa chọn di cư trái phép hơn là tìm đến các đơn vị tuyển dụng thu phí cao.

Có mối liên kết giữa các khoản nợ phát sinh để di cư và khả năng bị bóc lột. Martin (2009) đã phát hiện ra rằng người lao động di cư Việt Nam có khoản nợ cao nhất trong số những người lao động di cư Đông Nam Á, thường vượt quá số tiền kiếm được trong năm đầu tiên của hợp đồng ba năm. Như O'Connell Davidson (2013) lập luận, tình trạng mắc nợ của người di cư trong góc độ nào đó có thể liên quan đến một số chính sách của nhà nước. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 69/2020/QH14 (Luật 69) được thông qua vào năm 2020 quy định giảm các loại phí đối với người lao động di cư. Luật này loại bỏ nghĩa vụ người lao động di cư phải trả phí dịch vụ cùng với tiền môi giới và nghiêm cấm các đơn vị tuyển dụng thu tiền hoa hồng môi giới của người lao động (ILO, 2021b). Tuy nhiên, kể từ năm 2022, lao động di cư đến Đài Loan vẫn bị tính phí cao (Bengsten, 2022). Hoàng (2020) lưu ý rằng những người di cư được phỏng vấn không thể đánh giá đầy đủ bản chất và mức độ rủi ro, đặc biệt khi việc di cư của họ được thực hiện qua các khoản nợ, vì nhiều người không tham gia vào thị trường lao động chính thức trước khi di cư và không được tiếp cận đầy đủ thông tin khi quyết định di cư.

Việc thiếu thông tin và đào tạo trước khi khởi hành khiến cho tính dễ bị tổn thương của người lao động di cư tiếp tục xảy ra khi họ đến đích³⁸ bao gồm có sẵn các thông tin cần thiết bằng tiếng Việt như hợp đồng, điều kiện ở nước đến, yêu cầu đối với người lao động di cư, chi phí bao gồm những gì và các yêu cầu về thị thực. Mặc dù một số tổ chức phi chính phủ đã bắt đầu lấp đầy khoảng trống này bằng cách cung cấp thông tin cần thiết nhưng khả năng tiếp cận của họ với người lao động di cư vẫn còn hạn chế và người lao động di cư vẫn có thể trở thành nạn nhân của MBN khi không được trang bị các kỹ năng và thông tin cần thiết³⁹. Những người di cư trở về cũng ngại chia sẻ trải nghiệm của họ, có thể là vì xấu hổ, cảm giác thất bại hoặc cho rằng không thể làm gì được.

5.2 Trong hành trình

Việc thiếu kiến thức tạo ra tính dễ bị tổn thương trước khi khởi hành tiếp tục xảy ra khi người di cư đang quá cảnh. Nhiều người lao động di cư chưa bao giờ đi xa trước khi họ đi làm và không biết tài liệu do nhà tuyển dụng cung cấp có chính xác và hợp pháp hay không. Trương và cộng sự (2021) xác định có các trường hợp người Việt Nam di cư qua các kênh không chính thức bằng giấy tờ giả mạo do môi giới cung cấp. Cũng có những trường hợp nhà tuyển dụng buộc người di cư khai báo đã trả phí tuyển dụng thấp hơn thực tế khi rời Việt Nam, điều này cho thấy cách các nhà tuyển dụng vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát mức phí (Zhang và cộng sự, 2021).

Nhiều người tự đi qua biên giới sang các nước láng giềng để làm việc, có giấy tờ đi lại hợp pháp. Tuy nhiên, có tỷ lệ đáng kể người di cư trái phép qua biên giới bằng qua mòn, đi bộ hoặc phương tiện giao thông. Những người di cư trái phép này dễ bị tổn thương hơn và có thể bị đe dọa, thiếu sự bảo vệ của pháp luật và bị bóc lột. Những người di cư như vậy có thể dễ dàng trở thành nạn nhân của bóc lột và lạm dụng vì họ không dám trình báo với chính quyền do sợ bị trục xuất hoặc bị phạt hành chính ở cả hai bên biên giới (IOM và Bộ Ngoại

³⁸ Phỏng vấn với tổ chức phi chính phủ, Việt Nam, tháng 12 năm 2021; Phỏng vấn người lao động di cư, Việt Nam, tháng 12 năm 2021

³⁹ Phỏng vấn với tổ chức phi chính phủ, Việt Nam, tháng 12 năm 2021; Phỏng vấn người lao động di cư, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

giao, 2017). Luật pháp Việt Nam cũng như nhiều quốc gia láng giềng có các hình phạt đối với hành vi vượt biên trái phép, như đã thảo luận ở trên.

Nguy cơ bị bóc lột càng tăng lên trong quá trình di cư. Ví dụ, có những người di cư được các người môi giới tuyển dụng, đi đến quốc gia láng giềng với tư cách là khách du lịch vì có thể nhập cảnh mà không cần thị thực, nhưng từ đó họ được vận chuyển không có giấy tờ qua biên giới quốc gia tiếp theo hoặc trở thành không có giấy tờ ở quốc gia thứ ba hoặc thứ tư.

5.3 Tại điểm đến

Như đã thảo luận ở trên, tính dễ bị tổn thương ở các quốc gia đích khác nhau tùy thuộc vào tuyến đường đi. Người di cư nhận thấy rằng các hành lang di cư với các phương pháp tuyển dụng chính thức làm giảm tính dễ bị tổn thương, mặc dù không phải là loại trừ hoàn toàn. Người lao động phải đối mặt với tình trạng bị bóc lột như không được trả lương, điều kiện làm việc nguy hiểm và bị giữ giấy tờ (Zhang, 2021). Đối với chủ sử dụng lao động, người lao động di cư được coi là một hình thức kinh doanh giá rẻ và thường tìm cách tối đa hóa điều này.

Các cách bóc lột phổ biến của chủ sử dụng lao động bao gồm tịch thu giấy tờ tùy thân, hộ chiếu và giấy phép lao động hoặc thị thực. Điều này kiểm soát hiệu quả việc di chuyển của người lao động di cư vì họ không thể trở về nhà và không thể đi lại tự do ở nước đến. Việc giữ tiền lương cũng phổ biến, chủ sử dụng lao động không trả tiền làm thêm giờ nhưng yêu cầu làm việc nhiều giờ, hoặc khấu trừ các khoản phí, bao gồm tiền ăn ở, tiền phạt vì vi phạm quy tắc tại nơi làm việc hoặc chỗ ở và phí môi giới trong nước (Bengsten, 2022). Những hình thức bóc lột này cũng có liên quan đến các hình thức di cư chính thức, khi chủ sử dụng lao động vi phạm các quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp, chủ sử dụng lao động tại Nhật Bản bị phát hiện vi phạm pháp luật như hai công ty tuyển dụng lao động Việt Nam thông qua chương trình đào tạo kỹ năng cho thực tập sinh đã không tổ chức đào tạo theo quy định (Bengsten, 2022).

Khi người di cư đi qua các kênh không chính thức, sẽ có nguy cơ bị bóc lột và lạm dụng cao hơn vì chủ sử dụng lao động có thể đe dọa sẽ trình báo chính quyền. Theo đó, việc bị giữ tiền lương có thể rõ ràng hơn, một số chủ sử dụng lao động có hành vi xâm hại tình dục, như trong trường hợp của N:

Tôi làm việc ở Thái Lan 8 năm trước khi về nước sinh con. Nhưng tôi đã làm nhiều công việc. Sếp đầu tiên không trả lương cho tôi trong 3 tháng đầu tiên, chỉ cho tôi tiền ăn. Ông ta nói tôi là sinh viên thực tập, vừa học vừa làm nên chưa có lương. Vì vậy, tôi tiếp tục làm việc. Dù không biết tiếng nhưng tôi đã nhờ người giúp để hỏi tiền lương nếu không tôi sẽ bỏ việc. Ông chủ nói muốn tôi ở lại nên nếu tôi ở lại ông ấy sẽ trả tiền. Ông ta nói nếu tôi bỏ đi ông ta sẽ báo cảnh sát. Tôi sợ. Vì tôi đang mắc nợ nên cố ở thêm 1 tháng. Sau đó, ông chủ tiếp cận tôi và yêu cầu được quan hệ tình dục. Nhưng tôi không cho. Tôi quyết định bỏ đi mà không báo cho ông ta, tôi bỏ lại tất cả đồ đạc của mình. Tôi giả vờ đi chợ như bình thường rồi bỏ đi. Tôi đã nghĩ ông chủ là người tốt nhưng không phải như vậy. Tôi đã làm việc 4 tháng không lương. (Phỏng vấn nữ lao động di cư trở về từ Hà Tĩnh)⁴⁰

⁴⁰ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

Sức ép của di cư bằng vay nợ cũng khiến một số người di cư qua các kênh chính thức phá hợp đồng khi họ tìm được các công việc được trả lương cao hơn mặc dù họ biết như vậy là trái phép. Khi ra khỏi hợp đồng, họ dễ bị tổn thương hơn vì sợ bị phạt do vi phạm pháp luật. Điều này ngăn cản người di cư trình báo các điều kiện bóc lột mà chủ sử dụng lao động có thể lạm dụng. Khi người di cư trong tình trạng bất hợp pháp ở quốc gia đích đến, họ cũng dễ bị tổn thương hơn.

Mặc dù một số nước sở tại có các biện pháp bảo vệ như đường dây nóng ở Trung Quốc, nhưng không phải tất cả người lao động di cư đều biết và tiếp cận được những biện pháp này do thiếu kiến thức về ngôn ngữ và sự cô lập về mặt xã hội. Người lao động di cư theo hợp đồng do các đơn vị tuyển dụng hoặc chương trình do DOLAB sắp xếp được cung cấp thông tin về trường hợp khẩn cấp và các địa chỉ liên hệ như trung tâm trợ giúp và Tùy viên Lao động Việt Nam tại Đài Loan, Hàn Quốc và Ma-lai-xi-a. Ngoài ra, một số tổ chức phi chính phủ tại địa phương cung cấp hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán và Hiệp hội Lao động địa phương như ở Nhật Bản quản lý người lao động nước ngoài. Tuy nhiên, những người di cư trở về lưu ý rằng những người lao động di cư Việt Nam khác không sẵn sàng hỗ trợ họ, cho dù bằng cách giới thiệu họ vào môi trường làm việc hoặc địa điểm mới hay hỗ trợ trong các trường hợp bị bóc lột⁴¹.

Một số công ty tuyển dụng duy trì liên lạc với người lao động di cư tại nơi đến thông qua mạng xã hội. Mặc dù có thể các công ty này không bảo vệ được người lao động nếu họ bị mua bán hoặc gặp các vấn đề khác khi làm việc ở nước ngoài nhưng họ có thể khuyến khích người lao động nhờ cảnh sát nước sở tại giúp đỡ⁴². Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, sự hỗ trợ và liên hệ với đơn vị tuyển dụng còn hạn chế – đặc biệt khi di cư qua các công ty môi giới.

5.4 Khi trở về

Khi trở về Việt Nam, người lao động di cư vẫn dễ bị tổn thương. Ngay cả khi họ là nạn nhân bị mua bán được 'giải cứu' và trao trả thì sự hỗ trợ của chính phủ cũng rất hạn chế. Ngoài ra, cơ quan thực thi pháp luật cũng gặp khó khăn trong việc điều tra các vụ việc MBN vì mục đích bóc lột lao động như: các quy định pháp lý không rõ ràng về cưỡng bức lao động và MBN cũng như khó thu thập chứng cứ về bóc lột từ quốc gia đích đến.

Phải mất một thời gian dài để được nhận hỗ trợ từ Chính phủ vì những người trở về hoặc người di cư cần phải được xác định chính thức là nạn nhân, đây là một quá trình phức tạp. Một cá nhân thường chỉ được xác định là nạn nhân bị mua bán khi thủ tục tố tụng hình sự được bắt đầu. Điều này rất khó khi thủ phạm là chủ sử dụng lao động ở nước đến, ngoài khu vực tài phán của các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam-khi lao động di cư trở thành MBN ở các quốc gia không xác định được hành vi phạm tội. Ngay cả khi MBN được xác định, việc tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và truy tố các vụ án ở quốc gia đến là vô cùng khó khăn. Khi quá trình này đang được thực hiện, những người có khả năng là nạn nhân không thể tiếp cận nhà tạm lánh và hỗ trợ, điều này cản trở quá trình tái hòa nhập của họ⁴³. Nếu nạn nhân tự trở về và không trình báo cảnh sát, thì sẽ không được xác định chính thức mà dựa vào đó Chính phủ hỗ trợ cho họ. Do đó, rất ít nạn nhân nhận được hỗ trợ từ Chính phủ khi họ trở về.

⁴¹ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, Việt Nam, tháng 1 năm 2022.

⁴² Phỏng vấn công ty xuất khẩu lao động, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

⁴³ Phỏng vấn tổ chức phi chính phủ, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

Có các hỗ trợ bổ sung từ các tổ chức phi chính phủ, nhưng ban đầu các tổ chức này được thiết kế để hỗ trợ phụ nữ và trẻ em, trong khi nạn nhân của bóc lột lao động chủ yếu là nam giới, hỗ trợ cụ thể cho nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột lao động và đặc biệt là hỗ trợ cho nạn nhân nam vẫn còn hạn chế. Mất sinh kế vì sang chấn và thiếu sự hỗ trợ có thể dẫn đến việc tái di cư bất chấp rủi ro, vì họ vẫn cần phải kiếm thu nhập.

Rất ít nạn nhân trình báo bị bóc lột khi họ trở về Việt Nam (Nguyễn và cộng sự, 2020). Điều này một phần là do họ thiếu tin tưởng vào chính quyền và cũng là do mức độ hỗ trợ được cung cấp hạn chế. Thời gian xử lý một vụ việc cộng với sự thiếu hiểu biết về cách trình báo vụ việc có ảnh hưởng mang tính quyết định đến việc có nên trình báo hành vi bóc lột hay không. Sự kỳ thị xã hội liên quan đến mại dâm và mua bán người vì mục đích bóc lột tình dục cũng ngăn cản những cá nhân bị bóc lột sức lao động trình báo vụ việc của mình (Huber và cộng sự, 2019). Ngoài ra, còn có một yếu tố đó là thẻ diện, đặc biệt là đối với những người đàn ông từng bị bóc lột, họ coi nhẹ những yếu tố tiêu cực để thể hiện mình là người thành công và có thể chu cấp cho gia đình. Hơn nữa, vì người lao động di cư muốn tìm kiếm việc làm ở nước ngoài và có thể mang nợ để trang trải cho chuyến đi nên ít có khả năng họ trình báo..

Mặc dù chính sách và pháp luật được thảo luận ở trên có thể tạo ra những thách thức đối với các cơ quan thực thi pháp luật trong việc ứng phó phù hợp với nạn MBN, nhưng còn có một số vấn đề khác trong việc thực thi chính sách và pháp luật. Nguyễn và cộng sự. (2020) lập luận rằng những hạn chế của việc thực thi pháp luật trong phát hiện và phòng ngừa MBN có thể ảnh hưởng đến những cải tiến của luật pháp. Một số vụ việc có thể không được xử lý nếu như không đủ căn cứ hay chứng cứ⁴⁴. Ngoài ra, có thể có việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất, năng lực thực thi pháp luật còn hạn chế, khó giải quyết vụ án một cách nhanh chóng. Kết quả là các ứng phó tập trung nhiều vào công tác an ninh, đặc biệt là các sáng kiến bảo vệ và kiểm soát biên giới và chủ yếu tập trung vào phòng chống MBN vì mục đích bóc lột tình dục hơn là bóc lột lao động.

5.5 COVID-19

Đại dịch làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro mà những người di cư lao động vốn đã phải đối mặt. Đặc biệt, hạn chế đi lại dẫn đến sự chậm trễ trong quá trình tuyển dụng, điều này có thể nguy hiểm khi các khoản phí, chi phí và nợ đã phát sinh (CREST, 2021). Ngoài ra, một số nhà tuyển dụng đã hủy hợp đồng và công việc trở nên bấp bênh hơn do một số ngành công nghiệp đóng cửa, người di cư có nguy cơ bị đẩy đuổi về nước khi họ vẫn còn nợ nần hoặc ở lại quốc gia đến mà không thể làm việc (CREST, 2021). Chính phủ Việt Nam đã phối hợp với các nước sở tại để đòi tiền lương trong thời gian nghỉ việc do dịch COVID-19, gia hạn thời gian lưu trú cho người lao động tại nước sở tại và đảm bảo người lao động trở về an toàn⁴⁵. Điều này chỉ áp dụng cho những người di cư theo hợp đồng chính thức và nhiều người có thể không biết về các điều khoản này. Những người lao động di cư trái phép sẽ miễn cưỡng tìm đến sự hỗ trợ về lãnh sự và như đã đề cập ở trên, đã có một vụ bê bối tham nhũng liên quan đến các khoản phí cho các chuyến bay giải cứu.

Ngoài ra, các nước sở tại tập trung hơn vào bảo vệ công dân của mình mà ít quan tâm đến người lao động di cư. Ở một số quốc gia, người lao động di cư phải đối mặt với những hạn

⁴⁴ Phòng vấn tổ chức phi chính phủ, Việt Nam, tháng 12 năm 2021.

⁴⁵ Triển khai biện pháp phòng chống dịch COVID-19 đợt cao điểm, Số. 02/CĐ-LDTBXH.

chế chặt chẽ hơn so với công dân nước sở tại (Buckley và cộng sự, 2022). Ví dụ, ở Đài Loan, lao động di cư phải tuân theo lệnh giới nghiêm mà không áp dụng cho công dân Đài Loan (Bengsten, 2022).

COVID-19 làm tăng nguồn cung lao động di cư mong muốn sang các nước láng giềng do thiếu việc làm ở Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và việc di cư đến các điểm đến ưa thích đòi hỏi phải di chuyển bằng đường hàng không bị hạn chế. Trong khi đó, chủ sử dụng lao động không nhất thiết muốn tuyển nhiều lao động di cư hơn. Những khó khăn trong việc đi lại trong thời kỳ đại dịch, đặc biệt là trong năm 2020 và 2021, đã kéo dài thời gian chờ đợi của những người di cư và làm tăng nợ nần của họ.

Một lao động di cư từ Thái Lan trở về Việt Nam nhấn mạnh rằng người lao động ngày càng phụ thuộc vào người môi giới để hỗ trợ cho hành trình tìm việc làm thuận lợi do hạn chế đi lại gia tăng⁴⁶

Trong thời gian COVID, người lao động không có đường về nước nên phải nhờ môi giới để về nước. Các công ty môi giới chọn thời điểm khó khăn để chào mời [lao động tiềm năng] đi làm việc ở nước ngoài. Người môi giới nhận phí môi giới hoặc cắt lương của người lao động⁴⁷. (Phỏng vấn người trở về từ Hà Tĩnh)

⁴⁶ Phỏng vấn người lao động di cư trở về, tháng 12 năm 2021.

⁴⁷ Nhận thanh toán trực tiếp trừ từ tiền lương của người lao động

6 Khả năng bảo vệ

6.1 Bảo vệ và hỗ trợ chính thức

Chính phủ đã thành lập các trung tâm bảo trợ xã hội ở địa phương để cung cấp hỗ trợ cho những người trở về. Như đã nêu ở trên, nạn nhân phải được xác định chính thức để tiếp cận hỗ trợ này. Ngay cả sau khi được xác định, các hỗ trợ vẫn rất hạn chế. Các trung tâm chỉ cung cấp thời gian lưu trú ngắn hạn, mặc dù gần đây đã được kéo dài đến ba tháng (Hoa Kỳ, 2021). Việc xác định đặc biệt khó khăn khi các nạn nhân trở về đến biên giới Việt Nam mà không có giấy tờ. Điều này gây khó khăn cho việc xác định nguồn gốc của họ và thường liên quan đến các cuộc lấy lời khai kéo dài mà nhiều nạn nhân tìm cách trốn tránh vì có thể gây sang chấn, thay vào đó họ muốn quay trở về mà không bị phát hiện. Việc xác định nạn nhân bị mua bán cũng đòi hỏi phải xác định được thủ phạm, điều này rất khó trong các trường hợp bóc lột lao động vì thủ phạm có thể là chủ sử dụng lao động ở quốc gia đích đến.

Mặc dù luật pháp và chính sách đang bắt đầu phản ánh thực tế rằng MBN là một hiện tượng rộng hơn so với MBN vì mục đích bóc lột tình dục, các cơ chế hỗ trợ vẫn chủ yếu tập trung vào phụ nữ và trẻ em và chủ yếu là bóc lột tình dục. Có các trung tâm bảo trợ xã hội do Bộ LĐTBXH quản lý hoạt động trên khắp Việt Nam, nhưng hỗ trợ cho nam giới và trẻ em trai rất hạn chế. Cũng cần có nhiều nhân viên xã hội hơn để hỗ trợ đầy đủ cho các nạn nhân bị bóc lột lao động.

Các cơ chế khác bao gồm Đường dây nóng 111 do Bộ LĐTBXH thành lập. Ban đầu, đường dây nóng tập trung vào các vấn đề về quyền trẻ em từ năm 2013 nhưng mở rộng sang lĩnh vực MBN từ năm 2019. Đường dây nóng cung cấp dịch vụ tư vấn về các trường hợp MBN và kết nối các cá nhân với các cơ sở trợ giúp xã hội cũng như các hỗ trợ khác. Trong năm 2021, đường dây nóng đã kết nối được 45 nạn nhân để hỗ trợ, nhưng không rõ sự phân tách theo các hình thức mua bán người.

Bên cạnh các cơ chế hỗ trợ này, biện pháp chính để giải quyết vấn đề bóc lột là lĩnh vực tư pháp hình sự mặc dù như đã thảo luận ở trên, biện pháp này cũng có những hạn chế. Báo cáo MBN của Hoa Kỳ tạo động lực để tăng cường truy tố, nhằm quay trở lại xếp hạng Mức 2; nhưng cần chú trọng vào điều tra và kết án mới cũng như truy tố các vụ án hiện có.

6.2 Bảo vệ và hỗ trợ ngoài nhà nước

Có nhiều hỗ trợ hơn cho các nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột lao động từ các tổ chức phi chính phủ. Có một số tổ chức phi chính phủ và tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống MBN.

Các tổ chức phi chính phủ cung cấp hỗ trợ trực tiếp, điều này có thể quan trọng trong quá trình tái hòa nhập và thậm chí là giải cứu. Bao gồm:

- **Tổ chức Trẻ em Ròng Xanh** – tổ chức cung cấp nơi tạm lánh ngắn hạn, tiến hành nâng cao nhận thức về nguy cơ bị mua bán, vận hành đường dây nóng và dịch vụ giải cứu, và

một nhóm hỗ trợ đồng đẳng từ những người di cư không chính thức. Ròng Xanh cũng hỗ trợ trẻ em di cư trong nước làm việc trong ngành dệt may.

- **Tổ chức quốc tế Hagar** – cung cấp hỗ trợ tâm lý và nơi tạm lánh cho nạn nhân nếu cần.
- **Tổ chức Vòng tay Thái Bình** – hỗ trợ các nhà tạm lánh ở hai tỉnh để hỗ trợ các nạn nhân được trao trả, không giới hạn thời gian lưu trú và tiến hành nâng cao nhận thức về nguy cơ bị mua bán và di cư an toàn.
- **Trung tâm phụ nữ và phát triển-Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam⁴⁸** (mô hình bán công) – quản lý các Ngôi nhà Bình Yên tại Hà Nội và Cần Thơ được thành lập để hỗ trợ nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới (GBV), đã mở rộng bao gồm cả phụ nữ và trẻ em bị mua bán. Nạn nhân có thể ở lại trong sáu tháng và được hỗ trợ trên diện rộng. Hội Liên hiệp Phụ nữ có liên kết với Công an tại biên giới và có thể chuyển tuyến nạn nhân, đồng thời với sự hỗ trợ của IOM, Hội cũng điều hành Văn phòng Dịch vụ Một điểm đến (OSSO) tại một số tỉnh và thành phố để hỗ trợ phụ nữ di cư trở về.

Sự hỗ trợ do các tổ chức này cung cấp ban đầu tập trung vào nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục và/hoặc bạo lực gia đình. Mặc dù đã được mở rộng để tập trung hơn vào MBN, bao gồm cả MBN vì mục đích bóc lột lao động, nhưng trọng tâm chủ yếu vẫn là phụ nữ và trẻ em với sự hỗ trợ rất hạn chế dành cho nam giới. Các hoạt động có xu hướng áp dụng cùng một mô hình đã được áp dụng cho MBN vì mục đích bóc lột tình dục, bao gồm nơi tạm lánh, hỗ trợ tâm lý xã hội và đào tạo sinh kế, mà không xem xét các cách tiếp cận sáng tạo hơn đối với bóc lột lao động để hòa nhập hơn với xã hội thay vì rút lại sự hỗ trợ cho nạn nhân. Ngoài ra, sự hỗ trợ bị hạn chế bởi các hạn chế về kinh phí và năng lực, cũng như sự cạnh tranh về tài trợ giữa các tổ chức.

6.3 Khả năng lên tiếng

Mặc dù người lao động di cư ở dưới cùng của hệ thống phân cấp kinh tế, nhưng họ cũng có quyền tự quyết. Quyết định di cư rất phức tạp, với nhiều yếu tố thúc đẩy họ làm việc ở nước ngoài. Các lựa chọn trở nên khó khăn hơn do thiếu thông tin đầy đủ, môi giới và nhà tuyển dụng tìm cách trục lợi và chiến lược phát triển của Chính phủ tập trung vào xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, trước khi khởi hành, người di cư đưa ra quyết định trên cơ sở thông tin và nguồn lực mà họ có, mặc dù thường là rất hạn chế.

Theo dữ liệu hiện có, cũng như dữ liệu được thu thập bởi nghiên cứu này, tỷ lệ người Việt Nam phải đối mặt với tình trạng bóc lột đến mức không thể rời bỏ công việc của mình dường như là tương đối hiếm. Rõ ràng là người lao động di cư tự xử lý các tình huống bị bóc lột bằng các nguồn lực và kiến thức họ có, tuy nhiên còn hạn chế.

Người lao động có thể khiếu nại với chủ sử dụng lao động, nhưng họ có nguy cơ bị sa thải và không nhận được bất kỳ khoản lương nào như đã thảo luận trong trường hợp của N ở trên. Một người lao động có thể đến gặp cảnh sát, nhưng tùy thuộc vào tình trạng của mình, họ có thể bị trục xuất. Tương tự, người lao động có thể đến Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Việt Nam (nếu họ ở thủ đô), nhưng xét đến quy trình phức tạp để được công nhận là nạn nhân, điều này có thể không mang lại kết quả khả quan. Tùy thuộc vào cách chi trả cho việc di cư,

⁴⁸ Mặc dù là một đơn vị hành chính nhà nước nhưng nó vẫn được đưa vào đây vì hoạt động khá độc lập.

nhu cầu trả nợ hoặc gửi tiền về có thể là một trở ngại đáng kể đối với việc tố cáo hành vi bóc lột. Nhìn chung, người lao động di cư có xu hướng tránh tiếp xúc với chính quyền.

Đôi lại, những người lao động di cư tìm mọi cách để lựa chọn từ những gì họ có. Rất ít nạn nhân bị mua bán vì bóc lột lao động trình báo vụ việc của mình. Điều này là do quy trình và thời gian cần thiết để được xác định là nạn nhân và nhiều người không biết cách trình báo. Khi trở về, người di cư thậm chí có thể không thông báo cho chính quyền⁴⁹. Sự thiếu kết nối này cũng có tác động dây chuyền đối với những người di cư trong tương lai, vì kinh nghiệm của người đã di cư không được sử dụng để cung cấp thông tin cho những người có mong muốn di cư. Một số mạng lưới đã được hình thành để kết nối những người lao động di cư trở về, bao gồm mạng lưới hỗ trợ đồng đẳng không chính thức và các hiệp hội của người lao động di cư như Mạng lưới Người di cư Mê Kông (MMN) và Mạng lưới Di cư trong nước Chính thức và Không chính thức tại Việt Nam. Những mạng lưới này đang bắt đầu vượt qua các rào cản ngại chia sẻ kinh nghiệm như đã thảo luận trước đó.

⁴⁹ Phỏng vấn cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022

7 Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Người lao động di cư Việt Nam có nguy cơ bị bóc lột và lạm dụng. Người lao động chấp nhận rủi ro khi di cư để làm việc và có xu hướng tự giải quyết việc bị bóc lột hơn là trình báo với chính quyền. Điều này phát sinh từ các vấn đề mà họ trực tiếp gặp phải như các đơn vị tuyển dụng tính phí cao, nợ nần do vay mượn để làm thủ tục, thiếu thông tin và đôi khi là tình trạng bất hợp pháp của họ. Đó cũng có thể do việc thiếu các dịch vụ hỗ trợ, khó khăn trong việc điều tra các vụ việc và thiếu động cơ trình báo các vụ việc.

Các trở ngại chính để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương

Chính phủ muốn thúc đẩy lao động di cư, đây là yếu tố trọng tâm trong chiến lược phát triển của đất nước⁵⁰. Các đơn vị tuyển dụng và môi giới tạo ra lợi nhuận bằng cách tuyển dụng người lao động và kết nối họ tới chủ sử dụng lao động ở nước ngoài. Chủ sử dụng lao động được tiếp cận với nguồn lao động rẻ hơn, giúp gia tăng tỷ suất lợi nhuận của họ. Do đó, hạn chế động lực thúc đẩy việc giải quyết các vấn đề dễ bị tổn thương và thay đổi tính năng động của việc di cư lao động.

Mạng lưới chiến lược và liên minh

Các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ cho người lao động trở về là rất cần thiết để họ tái hòa nhập. So với các cơ sở tạm lánh do nhà nước quản lý, các cơ sở tạm lánh do các tổ chức phi chính phủ quản lý cung cấp chỗ ở dài hạn hơn cùng với các hỗ trợ khác theo nguyện vọng của nạn nhân bị mua bán, mặc dù những hỗ trợ này còn hạn chế và chưa được thiết kế phù hợp với nhu cầu của những người lao động di cư đã từng bị bóc lột. Ngoài ra cũng có thể có sự cạnh tranh giữa các tổ chức phi chính phủ trong việc quảng bá kết quả của tổ chức mình với các nhà tài trợ⁵¹.

Hiện tại, Việt Nam chưa có Bản ghi nhớ hợp tác về di cư lao động với tất cả các nước tiếp nhận, mặc dù Việt Nam có Bản ghi nhớ hợp tác với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Đài Loan và Thái Lan, cũng như các quy trình chuẩn (SOP) về hồi hương và hỗ trợ nạn nhân với Lào và Cam-pu-chia. Các quy trình chuẩn này cần phải phù hợp với các tiêu chuẩn và cách tiếp cận quốc tế về di cư lao động, bao gồm các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế và Công ước quốc tế bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ⁵², ít nhất các quy định này cũng tạo căn cứ cho sự tương tác giữa các quốc gia liên quan.

Cơ cấu các cơ hội cho nguồn lực đầu tư

Quá trình được công nhận là nạn nhân kéo dài và khó khăn, ngay cả khi một cá nhân được coi là nạn nhân ở quốc gia đến. Có cơ hội để thay đổi quy trình này nhằm giúp nạn nhân dễ

⁵⁰ Điều này có thể thay đổi khi công nghiệp phát triển ở Việt Nam tạo động lực để giữ chân người lao động trong nước

⁵¹ Phỏng vấn tổ chức phi chính phủ, Việt Nam tháng 1 năm 2022.

⁵² Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022

dàng được công nhận và tiếp cận hỗ trợ hơn. Liên quan đến vấn đề này là nhu cầu nâng cao năng lực xác định nạn nhân tại các cửa khẩu biên giới.

Tại Trung Quốc, đường dây nóng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nạn nhân của hôn nhân cưỡng ép được trợ giúp. Có cơ hội cho các dịch vụ tương tự được phổ biến rộng rãi hơn. Do nạn nhân không muốn tiếp xúc với chính quyền ở nhiều quốc gia đích đến, các nguồn thông tin và hỗ trợ thay thế như Trung tâm Nguồn lực Di cư có thể do Chính phủ hoặc các tổ chức của người lao động di cư quản lý và được các tổ chức quốc tế như ILO và IOM hỗ trợ sẽ hữu ích.

Cũng cần chú trọng hơn đến việc đào tạo trước khi đi cho người lao động di cư để cho họ biết về các quyền của mình, cách tìm kiếm sự hỗ trợ và đảm bảo họ được trang bị những kiến thức cần thiết⁵³.

Khuyến nghị

Các vụ MBN vì mục đích bóc lột lao động rất phức tạp vì ít khi thỏa mãn đầy đủ định nghĩa về MBN tại Việt Nam và rất ít khả năng xác định được thủ phạm cụ thể. Bóc lột thường là kết quả của động lực di cư lao động cũng như các tác nhân của nó chứ không phải là sự thông đồng và ý đồ phạm tội giữa các cá nhân trong quy trình di cư từ người tuyển dụng đến người vận chuyển rồi đến chủ sử dụng lao động. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận đa chiều hơn các ứng phó thông thường đối với MBN, vốn thường được thực hiện để ứng phó với MBN vì mục đích bóc lột tình dục. Các lĩnh vực cần được quan tâm nhiều hơn ở Việt Nam bao gồm:

Thay đổi về chính sách và pháp luật

- **Tăng cường tính nhất quán của chính sách và pháp luật liên quan đến di cư lao động** để ghi nhận những nguy cơ bị bóc lột và chỉ đạo việc xây dựng các cơ chế ứng phó với MBN cũng phải ứng phó với MBN vì mục đích bóc lột lao động. Đã có một số động thái theo hướng này, nhưng cần có sự nhất quán hơn để làm rõ luật nào được áp dụng khi luật chồng chéo hoặc không thống nhất.
- **Đơn giản hóa quy trình xác định nạn nhân.** Đảm bảo rằng các cán bộ tại biên giới và cán bộ thực thi pháp luật tuyến đầu được đào tạo về xác định và chuyển tuyến nạn nhân.
- Thay vì xác định thủ phạm, có thể phù hợp và hiệu quả hơn nếu **đánh giá những khoảng trống trong việc bảo vệ, sự thiếu trách nhiệm của nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác**, áp dụng các hình phạt như đình chỉ giấy phép hoặc giám sát các cơ chế thẩm định.
- **Cơ chế khuyến khích trong lĩnh vực tư pháp hình sự** cần được thay đổi để đảm bảo rằng các vụ án được điều tra chính xác, các bản cáo trạng được đệ trình lên cơ quan tư pháp và các cuộc điều tra tập trung vào những người liên quan đến việc gây tổn hại nhiều nhất cho người lao động di cư.
- Cần phải **tăng cường các cơ chế để đảm bảo rằng các đơn vị tuyển dụng không vi phạm các giới hạn pháp lý về phí tuyển dụng**, bao gồm cả việc bắt người di cư khai báo sai các khoản phí tuyển dụng tại sân bay. Cơ chế để người di cư trình báo các vi phạm khó có thể thu hút được nhiều sự chú ý vì vậy cần phải thiết lập các cơ chế giám sát thay thế.

⁵³ Phỏng vấn với cơ quan nhà nước, Việt Nam, tháng 1 năm 2022; Phỏng vấn với tổ chức quốc tế, tháng 12 năm 2021.

- **Các công ty môi giới không chính thức hiện nằm ngoài hệ thống di cư chính thức** và do đó ít bị kiểm soát hơn. Thay vì xử lý họ, việc đưa ra một hình thức chịu trách nhiệm cho những người môi giới như quy trình đăng ký, sẽ cho phép họ cung cấp dịch vụ tốt hơn cho người di cư.

Tăng cường các công cụ sẵn có cho người di cư

- Đã có sự tập trung nhiều hơn vào việc đào tạo và nâng cao nhận thức trước khi khởi hành. **Đưa những người di cư trở về tham gia khóa đào tạo** sẽ đảm bảo rằng các khóa đào tạo này phù hợp với những gì người lao động có nguyện vọng di cư cần biết vì sẽ mang lại kinh nghiệm trực tiếp.
- **Sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa các cơ quan chính quyền trung ương và địa phương trong các chương trình nâng cao nhận thức** cũng sẽ củng cố cách tiếp cận bằng cách đảm bảo rằng những người di cư tiềm năng nhận được thông tin giống nhau.

Hợp tác xuyên biên giới

- Với quyền hạn hạn chế của Chính phủ Việt Nam trong việc vận động cho các quyền của công dân ở nước ngoài, **việc hỗ trợ đàm phán các hiệp định song phương, Bản ghi nhớ hợp tác và thỏa thuận cung ứng lao động từ các quốc gia tiếp nhận, đặc biệt là trong khu vực ASEAN** sẽ có lợi.
- **Vận động các quốc gia tiếp nhận duy trì các điều khoản trong các hiệp định song phương và bảo vệ quyền của người lao động di cư** – đánh giá cao những lợi ích kinh tế mà họ mang lại – cũng rất cần thiết. Đây có thể là một vai trò của ASEAN.
- **Hỗ trợ cho các Trung tâm Nguồn lực Di cư ở các quốc gia tiếp nhận** sẽ cung cấp phương tiện cho người lao động di cư để có được thông tin, tìm kiếm tư vấn và trình báo các vụ việc. Điều này đòi hỏi có các cơ chế bảo vệ để phòng tránh việc trục xuất và phân biệt đối xử, nếu không, người di cư sẽ tránh xa các trung tâm này như cách họ tránh xa các đại sứ quán. Thông tin về các trung tâm này sẽ cần được đưa vào các cuộc họp trước khi khởi hành.
- **Tăng cường hợp tác giữa các quan chức thực thi pháp luật và biên giới thông qua đào tạo chung**, điều này cũng sẽ giúp xây dựng mối quan hệ giữa các cơ quan chức năng từ các quốc gia khác nhau, tăng cường hợp tác và cải thiện trải nghiệm của các nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột lao động bằng cách tăng cường xác định và đảm bảo nạn nhân được chuyển tuyến phù hợp. Đào tạo nên tập trung vào việc xác định nạn nhân, động lực di cư lao động ở các quốc gia tương ứng và quy trình chuyển tuyến. Có sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống MBN vì mục đích bóc lột lao động cũng sẽ giúp cải thiện lòng tin.

Điều chỉnh cách tiếp cận với lao động di cư

- **Các dịch vụ hỗ trợ hiện tại phù hợp hơn với các nạn nhân bị bóc lột tình dục** và có quá ít dịch vụ hỗ trợ. Hơn nữa, các loại hỗ trợ khác nhau, chẳng hạn như các dịch vụ trong cộng đồng có thể phù hợp hơn. Bất kỳ dịch vụ nào như vậy cần được điều chỉnh để phù hợp với nam giới và trẻ em trai cũng như phụ nữ và trẻ em gái và cũng có thể được sử dụng để tổ chức các nhóm hỗ trợ người di cư.

- **Tuyển dụng trực tuyến đang gia tăng.** Cần phải hiểu rõ hơn về tác động của điều này đối với động lực của di cư lao động và cách tăng cường bảo vệ cho những người di cư trong tương lai.
- **Nhân viên Đại sứ quán và Lãnh sự quán Việt Nam cần được đào tạo** về cách hỗ trợ người lao động di cư/nạn nhân bị mua bán và các bước ban đầu trong việc xử lý trình báo và tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ từ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

- Anh, D, N. (2008) 'Di cư lao động từ Việt Nam: vấn đề chính sách và thực tiễn'. Tài liệu làm việc số 4. Chương trình Khu vực Châu Á của ILO về Quản lý Di cư Lao động. Băng Cốc: Tổ chức Lao động Quốc tế.
- Apland, K. và Yarrow, E. (2019) *Soi sáng trong bóng tối: di cư, bóc lột và mua bán trẻ em và thanh niên ở Việt Nam*. Luân Đôn: Tổ chức quốc tế Coram (<https://coraminternational.org/casting-light-in-the-shadows-child-and-youth-migration-exploitation-and-trafficking-in-vietnam/>).
- Badiani, R. và cộng sự. (2013) *2012 Đánh giá nghèo đói ở Việt Nam: bắt đầu tốt, chưa hoàn thành – Tiến bộ rõ rệt của Việt Nam về giảm nghèo và những thách thức đang nổi lên*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.
- Beadle, D. và Davison, L. (2019) *Hành trình bấp bênh: lập bản đồ các điểm dễ bị tổn thương của nạn nhân bị mua bán từ Việt Nam sang Châu Âu*. Luân Đôn: Tổ chức Quốc tế chống chế độ nô lệ (<https://www.antislavery.org/wp-content/uploads/2019/03/Precaious-Journeys-full-report.pdf>).
- Belanger, D. (2014) 'Di cư lao động và MBN Việt Nam di cư ở Châu Á', *Biên niên sử của Học viện Hoa Kỳ* 653: 87-106 (<https://doi.org/10.1177/0002716213517066>).
- Bengsten, P. (2022) 'Canh bạc ép buộc bằng nợ của Việt Nam', *Nhà ngoại giao* (<https://thediplomat.com/2022/06/the-vietnamese-debt-bondage-gamble/>).
- Bisong, A. và A. Knoll (2020) 'Lập bản đồ sự tham gia của khu vực tư nhân trong chu kỳ di cư'. Báo cáo EDCPM. Maastricht: EDCPM.
- Rồng Xanh (2021) *Điều gì khiến con người dễ bị mua bán? Hồ sơ nạn nhân mua bán người tại Việt Nam*. Hà Nội: Tổ chức Trẻ em Rồng Xanh.
- Rồng Xanh (n.d.) 'Mua bán người ở Việt Nam'. Hà Nội: Tổ chức Trẻ em Rồng Xanh.
- Buckey, P., Pietropaoli, L., Rosada, A., Harguth, B. và Bloom, J. (2022) 'COVID-19 đã ảnh hưởng như thế nào đến tình trạng dễ bị tổn thương của người lao động nhập cư trước MBN vì mục đích bóc lột lao động ở Đông Nam Á? Đánh giá tương thuật', *Tạp chí Y tế Công cộng và Khẩn cấp* 6(19) (<https://jphe.amegroups.com/article/view/8264/html>).
- Chantavanich, S., Ito, M., Middleton, C., Chutikul, S. và Thatun, S.S. (2013) 'Trên đường di chuyển: các chủ đề quan trọng trong di cư ở Đông Nam Á', trong S. Chantavanich,

- C. Middleton và M. Ito (eds.), *Trên đường di chuyển: chủ đề quan trọng trong di cư ở Đông Nam Á*. Băng Cốc: Tổ chức Di cư Quốc tế và Đại học Chulalongkorn.
- Chuang, J.A. (2014) 'Bóc lột leo thang và việc hủy bỏ luật mua bán người', *Tạp chí Mỹ về luật pháp quốc tế* 108(4): 609-649 (<https://doi.org/10.5305/amerjintelaw.108.4.0609>).
- Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc loại bỏ nô lệ và MBN (CREST) (2021) 'Tính dễ bị tổn thương và nguy cơ bị bóc lột của người lao động di cư Việt Nam: một nghiên cứu định tính về trải nghiệm của người lao động di cư trở về'. Hồ Chí Minh: CREST IOM (https://publications.iom.int/system/files/pdf/Vulnerabilities-and-Risks-of-Exploitation_1.pdf).
- Credit Agricole (2022). Việt Nam: Tổng quan về kinh tế và chính trị. Xem tại : <https://international.groupecreditagricole.com/en/international-support/vietnam/economic-overview>
- Denney, L., Alffram, H., Domingo, P. và Jespersen, S. (2022) 'Giải quyết vấn đề bóc lột người di cư lao động ở Đông Nam Á: Ngoài ứng phó tư pháp hình sự phòng chống buôn người'. Luân Đôn: ODI.
- Dinh, N., Hughes, C., Hughes, J.W. và Maurer-Fazio, M. (2014) 'MBN ở Đông Nam Á: kết quả từ một dự án thí điểm tại Việt Nam'. Loạt Tài liệu Thảo luận IZA DP Số 8686. Bonn: IZA.
- Đỗ Anh T. và Thị Thanh, M.D. (2012) 'MBN ở Việt Nam: khó khăn và giải pháp', trong S.C. Taylor, D.J. Torpy và D.K. Das (eds.), *Kiểm soát di chuyển toàn cầu: du lịch, di cư, MBN và khủng bố*. New York: Routledge.
- Farrer, J. (2008) 'Từ "hộ chiếu" đến "liên doanh": kết hôn giữa công dân Trung Quốc và người phương Tây xa xứ cư trú tại Thượng Hải', *Tạp chí Nghiên cứu Châu Á* 32: 7-29 (<https://doi.org/10.1080/10357820701870742>).
- Hoang, L. A. (2020) 'Nợ và (không) tự do: trường hợp di cư lao động xuyên quốc gia từ Việt Nam', *Geoforum* 116: 33-41 (<https://doi.org/10.1016/j.geoforum.2020.08.001>).
- Hoang, Lan Anh và Yeoh, B.S.A. (2015) 'Di cư lao động xuyên quốc gia, nợ nần và kinh tế gia đình ở Việt Nam', trong L.A. Hoang và B.S.A. Yeoh (eds.), *Di cư lao động xuyên quốc gia, khiếu hối và gia đình đang thay đổi ở châu Á*. New York: Palgrave Macmillan.
- Home Office (2020) 'Chính sách Quốc gia và Thông tin Lưu ý. Việt Nam: Nạn nhân của MBN. Luân Đôn: Bộ Nội vụ (https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/880558/Vietnam_-_Trafficking_-_CPIN_-_v4.0_April_2020.pdf)

Huang, P. (2017) 'Người phụ thuộc hay trụ cột gia đình? Cô dâu Việt định hình lại vai trò giới ở biên giới Trung Quốc-Việt Nam' *Tạp chí Xã hội học Trung Quốc*, 4:16 (<https://doi.org/10.1186/s40711-017-0064-3>).

Huber, J., Ferris France, N., Anh Nguyen, V., Huong Nguyen, H., Thi Hai Oanh, K. và Byrne, E. (2019) 'Khám phá niềm tin và trải nghiệm tiềm ẩn trong sự tự kỳ thị của người hành nghề mại dâm ở Hà Nội, Việt Nam', *Văn hóa, Sức khỏe và Tình dục* 21(12): 1425-1438 (<http://dx.doi.org/10.1080/13691058.2019.1566572>).

Huysmans, J. (2006) 'Trẻ em, thời thơ ấu và di cư'. Tập tài liệu làm việc số 247. The Hague: Viện Nghiên cứu Xã hội.

Tổ chức Lao động Quốc tế (2020) *Một nghiên cứu so sánh toàn cầu về xác định phí tuyển dụng và các chi phí liên quan: nghiên cứu liên vùng về luật, chính sách và thực tiễn*. Genève: ILO.

Tổ chức Lao động Quốc tế (2021a) 'TAM GIÁC trong ASEAN Báo cáo tóm tắt hàng quý: Việt Nam từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2021'. Genève: ILO.

Tổ chức Lao động Quốc tế (2021b) 'Việt Nam: Sửa đổi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Các thực hành hứa hẹn cho việc tuyển dụng công bằng'. ILO Brief (<https://migrationnetwork.un.org/practice/viet-nam-revision-law-vietnamese-contract-based-overseas-workers>)

IOM/ MOFA (2017) *Hồ sơ di cư Việt Nam 2016* (https://publications.iom.int/system/files/pdf/mp_vietnam.pdf).

Ishizuka, F. (2013) 'Di cư lao động quốc tế tại Việt Nam và tác động của chính sách của các nước tiếp nhận'. Tài liệu thảo luận IDE số 414. Chiba: IDE JETRO.

Jennings, R. (2021) 'Bức tường biên giới Trung Quốc-Việt Nam sẽ nhắm vào đối tượng đưa người di cư trái phép, người tị nạn kinh tế Trung Quốc', VOA News (https://www.voanews.com/a/east-asia-pacific_china-vietnam-border-wall-would-target-smugglers-chinese-economic-refugees/6200280.html).

Li, W. (2020) 'Kết nối cô dâu Việt Nam với đàn ông Trung Quốc, môi giới hôn nhân tìm được công việc kinh doanh tốt – và đôi khi là cả tình yêu', *Cuộc trò chuyện* (<https://theconversation.com/matching-vietnamese-brides-with-chinese-men-marriage-brokers-find-good-business-and-sometimes-love-127977>).

Martin, P. (2009) 'Di cư ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương: xu hướng, nhân tố, tác động'. Loạt tài liệu nghiên cứu phát triển con người, tập. 32. Geneva: Chương trình Phát triển Liên hợp quốc.

- McAdam, M. (2020) ‘Luật quy định rằng không có MBN hoặc đưa người di cư trái phép nếu không có tội phạm có tổ chức – và đó là vấn đề. OpenDemocracy (<https://www.opendemocracy.net/en/beyond-trafficking-and-slavery/theres-no-human-trafficking-or-migrant-smuggling-without-organised-crime-the-law-says-and-that-matters/>)
- McAdam, M. (2016) ‘Không phải tất cả các vụ truy tố đều được tạo ra công bằng: các vụ truy tố được tính ít hơn, các vụ truy tố được tính nhiều hơn’ *Đánh giá phòng chống MBN*, 6: 123-125 (<https://doi.org/10.14197/atr.201216611>).
- Mạng lưới người di cư Mê Kông (2022) *Nghiên cứu theo chiều dọc về vai trò của các quốc gia gốc (ROCO) trong việc bảo vệ công dân của họ di cư đến làm việc ở các quốc gia khác.* Hà Nội: Mạng lưới người di cư Mê Kông
- Mendoza, D.R. (2021) *Nghiên cứu so sánh về luật pháp và chính sách trong quản lý lao động di cư ở ASEAN*. Jakarta: Ban thư ký ASEAN.
- Bộ LĐTBXH (2018) *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2007* (chỉ bằng tiếng Việt: Báo cáo tổng kết thi hành luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2007). Hà Nội: Bộ LĐTBXH.
- Nguyen, D. V., Nguyen, C.H., Le, T.Q. và Đỗ, D.T. (2020) ‘MBN ở Việt Nam: vấn đề và cách ứng phó của chính phủ Việt Nam’, *Tạp chí Quốc tế về Đổi mới, Sáng tạo và Thay đổi* 13(7): 135-152 (https://www.ijicc.net/images/vol_13/Iss_7/13722_Nguyen_2020_E_R1.pdf).
- O’Connell Davidson, J. (2013) ‘Vấn đề về tự do: di cư, nợ nần và nô lệ hiện đại’, *Nghiên cứu về Di cư* 1(2): 176-195 (<https://doi.org/10.1093/migration/mns002>).
- Oliver, M. (2019) *Bảo trợ xã hội cho lao động di cư ở ASEAN: diễn biến, thách thức và triển vọng*. Băng Cốc: Tổ chức Lao động Quốc tế.
- Quế, T. T. và Tô Phúc, X. (2003) ‘Chính sách Đổi Mới và tác động của nó đối với người nghèo’. Social Watch (https://www.socialwatch.org/sites/default/files/pdf/en/vietnam2003_eng.pdf).
- Quỳnh, T.N. (2016) ‘Hệ giá trị Việt Nam: sự pha trộn giữa các giá trị phương Đông, phương Tây và xã hội chủ nghĩa’, *Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế* 9(12): 34 (<https://doi.org/10.5539/ies.v9n12p32>).
- Schwenkel, S. (2014) ‘Suy nghĩ lại về tính lưu động của Châu Á: di cư xã hội chủ nghĩa và hồi hương hậu xã hội chủ nghĩa của lao động hợp đồng Việt Nam ở Đông Đức’, *Nghiên cứu phê bình Châu Á* 4 (2): 235-258 (<https://doi.org/10.1080/14672715.2014.898453>).

- Stockl, H., Kiss, L., Koehler, J., Dong, D.T. và Zimmerman, C. (2017) ‘Mua bán phụ nữ và trẻ em gái Việt Nam để lấy chồng ở Trung Quốc’, *Nghiên cứu và Chính sách Y tế Toàn cầu* 2: 28 (<https://doi.org/10.1186/s41256-017-0049-4>).
- Testaverde, M., Moroz, H. Hollweg, C.H., và Schmillen, A. (2017) *Di cư để đón đầu cơ hội: vượt qua các rào cản đối với dịch chuyển lao động ở Đông Nam Á*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.
- Trần, A. N và Crinis, V.D. (2018) ‘Lao động di cư và quyền lực nhà nước: Công nhân Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam’, *Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam* 13(2): 27-73 (<https://doi.org/10.1525/vs.2018.13.2.27>).
- Tuấn, H. A. (2009) ‘Đổi Mới và quá trình làm lại Việt Nam’, *Châu Á Toàn cầu* 4(3): 37-41 (https://www.globalasia.org/v4no3/cover/doi-moi-and-the-remake-of-vietnam_hong-anh-tuan).
- UNFPA (2022) ‘Danh sách dân số thế giới: Việt Nam’ (<https://www.unfpa.org/data/world-population/VN>).
- Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2021) Báo cáo về Buôn bán Người. Washington, DC: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.
- Wang, H. (2022) ‘Những bà nội trợ Việt Nam đích thực của miền Trung Trung Quốc’ (<https://thechinaproject.com/2022/11/03/the-real-vietnamese-housewives-of-central-china/>).
- Weitzer, R. (2014) ‘Những hướng mới trong nghiên cứu về MBN, Biên niên sử của Viện Hàn lâm Khoa học Chính trị và Xã hội Hoa Kỳ 653: 6-24 (<https://doi.org/10.1177/0002716214521562>).
- Ngân hàng Thế giới (2022) ‘GDP (USD hiện tại) – Việt Nam’ (<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=VN>).
- Ngân hàng Thế giới (2022) ‘Dân số nông thôn (% tổng dân số) – Việt Nam’ (<https://data.worldbank.org/indicator/SP.RUR.TOTL.ZS?locations=VN>).
- Tầm nhìn Thế giới (2013) Báo cáo phân tích, đánh giá khuôn khổ pháp luật hiện hành của Việt Nam về phòng, chống mua bán người ((chỉ có tiếng Việt: Báo cáo phân tích đánh giá khuôn khổ pháp luật hiện hành của Việt Nam về phòng, chống mua bán người) .Hà Nội: Tầm nhìn Thế giới.
- Zhang, S., và cộng sự. (2021) *Ước tính tỷ lệ lao động cưỡng bức trong nhóm lao động di cư trưởng thành Việt Nam sang Nhật Bản/Đài Loan*. Quỹ toàn cầu về chấm dứt chế độ nô lệ hiện đại (<https://www.gfems.org/wp-content/uploads/2021/08/VietnamMigrantLaborStudy-Final-Report-Final-1.pdf>).

